



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG

2019

MỤC LỤC

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MWG

1. Thông tin tổng quan	08
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	08
3. Quá trình hình thành và phát triển	12
4. Thông tin về mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	16
5. Định hướng phát triển	18
6. Các rủi ro	19

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
2. Tổ chức và nhân sự	26
3. Tình hình tài chính	30
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	33
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	35

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Báo cáo của hội đồng quản trị	40
2. Báo cáo ban kiểm soát	46
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	51

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và toàn bộ nhân viên của tập đoàn bán lẻ Thế Giới Di Động (MWG).

Năm 2019, Việt Nam xuất sắc ghi nhận mức tăng trưởng GDP trên 7%, trong đó giá trị ngành bán buôn bán lẻ tăng 8,8% so với năm 2018. Xu hướng tích cực này được kỳ vọng sẽ tiếp tục diễn ra trong năm 2020. Các yếu tố cơ bản như: tình hình chính trị - vĩ mô ổn định, thu nhập khả dụng và mức sống của người dân được cải thiện, lạm phát được kiểm soát tốt, sự gia tăng của tầng lớp trung lưu cùng với xu hướng đô thị hóa mạnh mẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng tiêu dùng tại Việt Nam trong thời gian tới.

Năm vừa qua cũng đánh dấu một cột mốc quan trọng của tập đoàn bán lẻ Thế Giới Di Động - 15 năm phát triển thần tốc từ một công ty với vài cửa hàng, vài chục nhân viên trở thành nhà bán lẻ hàng đầu Việt Nam về doanh số và lợi nhuận. Cuối năm 2019, Công ty đạt mức vốn hóa trên 2,2 tỷ đô, tăng hơn 10 lần trong vòng 05 năm kể từ khi cổ phiếu MWG được chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) năm 2014. Với mạng lưới hơn 3.000 cửa hàng phủ khắp các tỉnh thành, MWG ghi nhận doanh thu thuần đạt 102.174 tỷ đồng và lợi nhuận ròng hợp nhất đạt 3.836 tỷ đồng cho năm tài chính 2019, tương đương với mức tăng trưởng 18% doanh thu và 33% lợi nhuận sau thuế so với năm 2018. Mặc dù không xếp vào nhóm các công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, doanh thu đến từ các giao dịch online đạt 12.682 tỷ đồng, chiếm hơn 12% tổng doanh thu của tập đoàn. Với kết quả này, MWG là công ty có doanh số lớn nhất trong tổng giá trị thị trường bán lẻ trực tuyến hàng hóa tại Việt Nam.

Bằng nỗ lực không ngừng của tập thể hơn 55.000 nhân viên, chúng tôi rất tự hào khi là đại diện Việt Nam duy nhất lọt Top 100 nhà bán lẻ hàng đầu châu Á – Thái Bình Dương do Tạp chí Bán lẻ châu Á (Retail Asia) bình chọn và là Quán quân trong Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2019 do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư vinh danh.

Mặc dù thị trường công nghệ – điện tử nói chung không tăng trưởng tích cực trong năm 2019, MWG vẫn gia tăng thị phần nhờ phần đầu duy trì mức tăng trưởng tốt ở tất cả các ngành hàng chính. Công ty tiếp tục giữ vững vị trí thống lĩnh với 48% thị phần điện thoại và 38% thị phần điện máy tại Việt Nam. Tháng 12 năm nay, Điện Máy Xanh trở thành nhà bán lẻ điện máy đầu tiên và duy nhất cán mốc 1.000 cửa hàng phủ khắp 63 tỉnh thành. Nhờ sự dẫn dắt của Giám Đốc Điều Hành mới và đầy nhiệt huyết của Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh – Anh Đoàn Văn Hiếu Em, các chuỗi bán lẻ điện thoại và điện máy đang đóng góp hơn 90.000 tỷ đồng doanh thu này đã chứng kiến nhiều sự thay đổi về “chất” với những nỗ lực triển khai vượt kỳ vọng. Cụ thể là (a) nâng cấp toàn bộ các cửa hàng Điện Máy Xanh mini để tối ưu khả năng trưng bày sản phẩm và tăng thêm doanh thu; (b) khai thác ngành hàng mới như bán lẻ đồng hồ và đẩy mạnh kinh doanh ngành hàng đang có thị phần hạn chế như máy tính xách tay thông qua mô hình shop-in-shop trong hệ thống các cửa hàng hiện hữu; (c) triển khai thử nghiệm chuỗi cửa hàng nhỏ như Điện Thoại Siêu Rẻ và Thế Giới Di Động mini để phục vụ đối tượng khách hàng mới; và (d) ra mắt cửa hàng bán lẻ điện máy Bigphone+ đầu tiên tại Campuchia sau 3 năm kinh doanh điện thoại tại thị trường này.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tổng Giám Đốc MWG – Anh Trần Kinh Doanh, chuỗi Bách Hóa Xanh đã phát triển vượt bậc khi doanh thu và số lượng cửa hàng năm 2019 gấp 2,5 lần so với năm trước. Chỉ sau 4 năm kể từ ngày ra mắt, với 1.008 cửa hàng hoạt động tại 21 tỉnh thành, Bách Hóa Xanh đã đóng góp hơn 10.000 tỷ đồng cho MWG, chiếm khoảng 10% tổng doanh thu của tập đoàn trong năm 2019. Sự gia tăng nhanh chóng về quy mô, cùng với việc triển khai quy trình cung ứng hàng tươi sống hiệu quả hơn đã giúp chuỗi Bách Hóa Xanh liên tục cải thiện biên lợi nhuận qua các năm. Việc MWG quyết định tăng tốc cho chuỗi Bách Hóa Xanh khi chuỗi này vượt mốc 700 cửa hàng trước 4 tháng so với kế hoạch và tiến ra các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ ngay trong năm nay dẫn đến nhu cầu gia tăng đầu tư tương ứng cho hệ thống logistics. Đây là nền tảng cần thiết và phải được chuẩn bị nhiều tháng trước khi chuỗi mở rộng phạm vi hoạt động ra tỉnh mới. Do mạng lưới cửa hàng ở tỉnh vẫn còn thưa thớt, các trung tâm phân phối mới chưa hoạt động đủ công suất thiết kế nên lợi nhuận sinh ra từ các cửa hàng của chuỗi Bách Hóa Xanh chưa thể bù đắp hoàn toàn chi phí vận hành các trung tâm phân phối mới này.

Sang năm 2020, hoạt động bán lẻ điện thoại, điện máy sẽ mang lại nguồn doanh thu chính cho tập đoàn. Mạng bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng trên 100%.

Để chinh phục mục tiêu đầy thách thức này, MWG sẽ tiếp tục chọn lọc các địa điểm đủ tiêu chuẩn để mở cửa hàng Điện Máy Xanh mới, song song với nỗ lực tối ưu hoá doanh thu trên mỗi điểm bán thông qua việc đẩy mạnh chuyển đổi các cửa hàng Thế Giới Di Động đang kinh doanh tốt thành cửa hàng Điện máy Xanh mini, thay đổi cách sắp xếp tại cửa hàng để tăng khả năng trưng bày sản phẩm, kinh doanh thêm ngành hàng mới và đa dạng hoá lựa chọn cho nhóm sản phẩm hiện tại. Mục tiêu của MWG là chiếm lĩnh trên 55% thị phần điện thoại và trên 50% thị phần điện máy tại Việt Nam vào cuối năm 2022. Ngoài ra, công ty cũng sẽ tiếp tục mở thêm các cửa hàng Bigphone+ tại Campuchia để trở thành nhà bán lẻ điện máy số 1 tại thị trường này trong vòng 3 năm tới.

Đối với chuỗi Bách Hóa Xanh, các mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2020 là nhanh chóng gia tăng số lượng và độ phủ cửa hàng ở các tỉnh Miền Nam và Nam Trung Bộ để chiếm thị phần; song song với nỗ lực cải thiện biên lợi nhuận thông qua tiếp tục tối ưu quy trình mua hàng và kiểm soát hủy hàng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ đầu tư xây dựng thêm hệ thống các kho và trung tâm phân phối với quy mô nhỏ để phục vụ hoạt động logistics hiệu quả cho cụm 50-100 cửa hàng tại thị trường tỉnh. Giá trị thị trường bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng tại Việt Nam ước tính có quy mô gấp 7 đến 10 lần tổng giá trị tiêu dùng hàng điện tử công nghệ. Do đó, việc tập trung đầu tư vào lĩnh vực bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng sẽ giúp MWG tăng trưởng bền vững và duy trì vị thế dẫn đầu trong dài hạn.

Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi mô hình bán lẻ đa kênh (omni-channel), trong đó các cửa hàng và kênh online phối hợp chặt chẽ với nhau để đảm bảo vận hành tốt nhất, tập trung hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận ở cấp độ tập đoàn. Hoạt động kinh doanh online sẽ không chú trọng cạnh tranh về giá mà tập trung tạo ra sự khác biệt vượt trội về chất lượng dịch vụ so với nhà bán lẻ trực tuyến khác trên thị trường, trở thành kênh mua sắm nhanh chóng, thuận tiện và đáng tin cậy cho khách hàng.

Trang bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng online - Bachhoaxanh.com sẽ mở rộng phạm vi phục vụ ra ngoài Tp.HCM với mục tiêu nâng cao doanh thu và chất lượng dịch vụ khách hàng. Trong năm 2020, MWG cũng sẽ cho ra mắt chương trình khách hàng thân thiết (customer loyalty), bước khởi đầu cho một siêu ứng dụng (super app) để kết nối và mang lại lợi ích thiết thực cho hơn 30 triệu khách hàng của Công ty. Chúng tôi tin rằng MWG sẽ tiếp tục là nhà bán lẻ số 1 Việt Nam và khoảng cách giữa Công ty và các nhà bán lẻ khác sẽ ngày càng lớn hơn trong tương lai.

Cuối cùng, tôi xin tri ân Quý Cổ Đông đang nắm giữ cổ phiếu MWG vì niềm tin mà Quý vị đã dành cho tập đoàn bán lẻ Thế Giới Di Động. Chúng tôi sẽ luôn luôn nỗ lực để đáp lại niềm tin đó. Chúng tôi cam kết quản trị MWG một cách minh bạch và mang đến cho nhà đầu tư dài hạn giá trị doanh nghiệp gia tăng không ngừng.

Kính Chúc Quý Cổ Đông một năm mới nhiều niềm vui, thành công và bình an.



Nguyễn Đức Tài

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MWG

THÔNG TIN TỔNG QUAN

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009.
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2019): 4.435.461.780.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2019): 12.143.592.194.353 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính : 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84.28) 38 125 960
- Số fax: (84.28) 38 125 961
- Website: www.mwg.vn
- Mã cổ phiếu: MWG



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan; và bán lẻ tại các cửa hàng của Nhóm Công ty bao gồm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả. Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG) hiện đang vận hành các chuỗi bán lẻ bao gồm: thegioididong.com, Điện Máy Xanh (dienmayxanh.com), Bách Hoá Xanh (bachhoaxanh.com), bigphone.com, dienthoaisieure.com.



Thegioididong.com

Thành lập năm 2004, từ mô hình Thương mại điện tử sơ khai với một website giới thiệu thông tin sản phẩm, đến nay Thế Giới Di Động đã phát triển thành hệ thống siêu thị rộng khắp và trở thành nhà bán lẻ điện thoại số 1 Việt Nam.

Các siêu thị có diện tích từ 100-200m² được trang bị hiện đại chuyên bán lẻ các sản phẩm kỹ thuật số bao gồm điện thoại di động, máy tính bảng, laptop và phụ kiện, sim số, dịch vụ mạng,...

Cuối năm 2019, Thế Giới Di Động tiếp tục khẳng định vị thế đầu ngành với 996 siêu thị trên toàn quốc.



Dienmayxanh.com

Cuối năm 2010, hệ thống bán lẻ điện máy với thương hiệu dienmay.com ra đời.

Tháng 5/2015, dienmay.com chính thức được đổi tên thành Siêu thị Điện Máy Xanh. Mỗi siêu thị có diện tích từ 500 -1.000 m², kinh doanh chủ yếu các sản phẩm điện gia dụng và kỹ thuật số như: Tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy lạnh, lò vi sóng, gia dụng; điện thoại di động, máy tính bảng, laptop, phụ kiện, sim số, dịch vụ mạng...

Tháng 7/2016, Điện Máy Xanh hoàn tất việc phủ sóng tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc. Bên cạnh đó, layout Điện Máy Xanh mini với diện tích từ 300 – 400 m² ra đời cũng giúp đưa Điện Máy Xanh đến gần hơn với khách hàng và dễ dàng tăng tốc trong quá trình mở rộng.

Tính tới cuối năm 2019, chuỗi Điện Máy Xanh có 1.018 siêu thị trên toàn quốc.



Bachhoaxanh.com

Cửa hàng Bách Hóa Xanh đầu tiên chính thức có mặt trên thị trường vào cuối năm 2015, tập trung kinh doanh rau củ quả, hàng tươi sống và FMCGs với tiêu chí Mua NHANH – Mua RẺ.

Đến cuối năm 2016, Bách Hóa Xanh hoàn tất giai đoạn thử nghiệm đầu tiên với hơn 40 siêu thị tập trung tại khu vực quận Tân Phú, Bình Tân, TP. HCM, đạt doanh thu khả quan và nhận được phản hồi tích cực từ khách hàng.

Năm 2018, Bách Hóa Xanh đã tìm ra "Công thức chiến thắng" nhờ những thay đổi chiến lược ở vị trí mở cửa hàng và danh mục sản phẩm kinh doanh, chú trọng hướng đến thực phẩm tươi sống.

Bách Hóa Xanh kết thúc năm 2019 với 1.008 cửa hàng, tập trung tại Tp.HCM và 20 tỉnh thành thuộc khu vực Nam Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ.

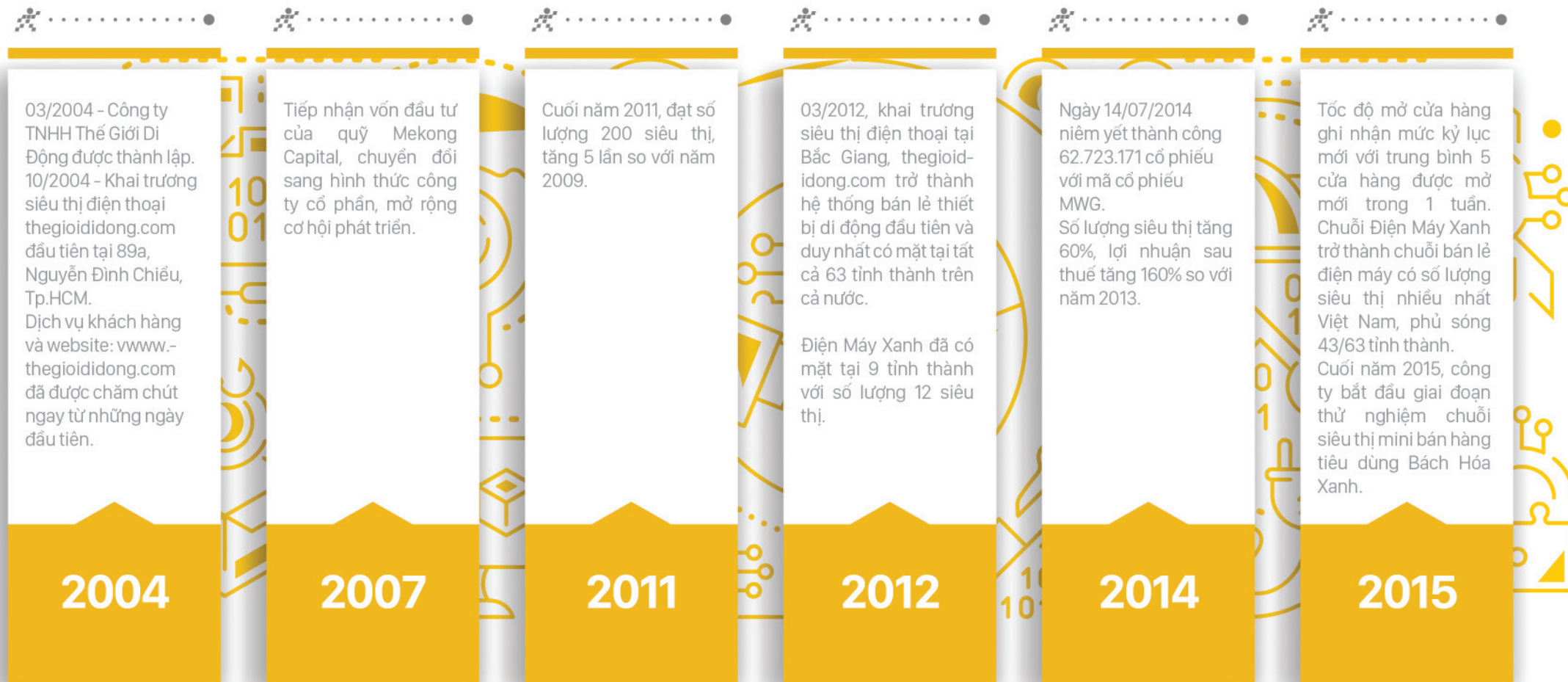
Bigphone.com

Chuỗi bán lẻ thiết bị điện thoại, phụ kiện và dịch vụ viễn thông tại Cambodia được thành lập từ năm 2017. Sau hơn 3 năm thành lập, chuỗi đã có 18 cửa hàng, tập trung tại thủ đô Phnôm Pênh, ngày càng nhận được sự đón nhận từ khách hàng địa phương.

Trong tháng 12/2019, cửa hàng điện máy đầu tiên Bigphone+ đã được ra mắt tại Campuchia.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Chuỗi thegioididong.com tiếp tục thống lĩnh và nâng cao thị phần với gần 900 siêu thị.
Điện Máy Xanh đã trở thành nhà bán lẻ điện máy đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam phủ sóng 63/63 tỉnh thành vào tháng 7/2016 với hơn 250 siêu thị.
Hoàn tất giai đoạn 1 của thử nghiệm chuỗi siêu thị Bách Hóa Xanh với 40 siêu thị.
Kết quả kinh doanh ấn tượng với lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 47% so với 2015.
Giá trị doanh nghiệp đạt 1 tỷ đô la vào cuối năm 2016.

2016

Thegioididong.com duy trì vị thế dẫn đầu về thị phần và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
Chuỗi Điện Máy Xanh tạo dấu ấn mạnh mẽ trong việc mở rộng, kết thúc năm 2017 với hơn 640 siêu thị toàn quốc.
Chuỗi siêu thị Bách Hóa Xanh tăng tốc với gần 300 cửa hàng vào cuối năm 2017.
Mở cửa hàng Bigphone đầu tiên tại Campuchia.

2017

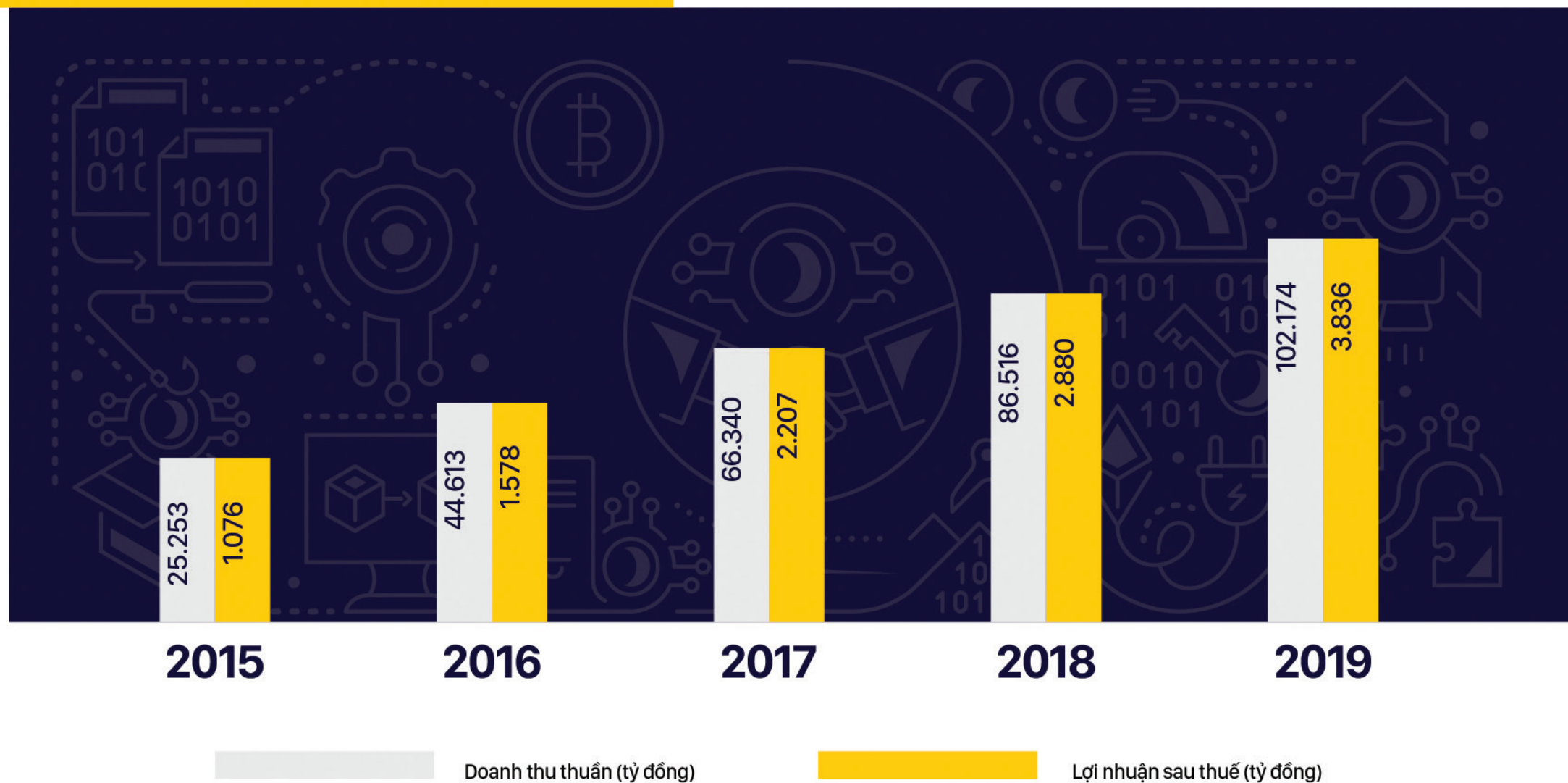
thegioididong.com và dienmayxanh.com thống lĩnh thị trường Việt Nam với 45% thị phần điện thoại và 35% thị phần điện máy.
Bách Hóa Xanh có một bước tiến mạnh mẽ trong việc mở rộng khắp các quận huyện tại TP. HCM và các tỉnh lân cận, chính thức đạt điểm hòa vốn EBITDA ở cấp cửa hàng.
Hoàn tất việc mua chuỗi bán lẻ điện máy Trần Anh.
Hoàn tất việc đầu tư cổ phần thiểu số tại Công ty bán lẻ An Khang - Đơn vị vận hành chuỗi nhà thuốc An Khang.

2018

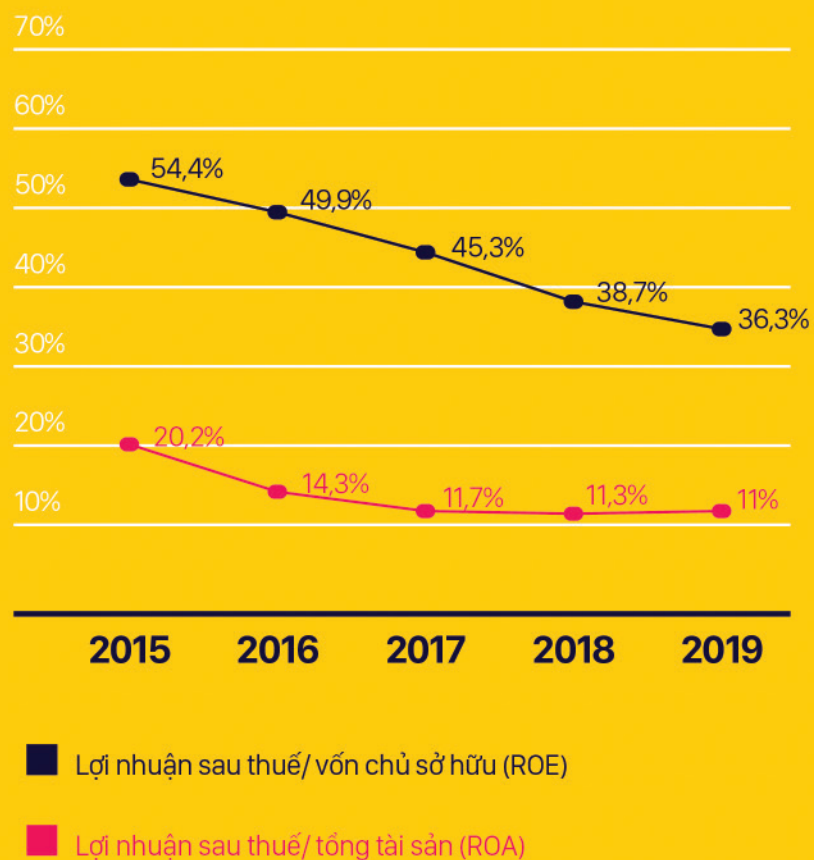
Thị phần mảng điện thoại và điện máy tiếp tục có mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2019, lần lượt đạt 48% và 38%. Tính tới cuối năm 2019, chuỗi Thế Giới Di Động có 996 cửa hàng, chuỗi Điện Máy Xanh có 1.018 cửa hàng. Từ tháng 3/2019 cty đã mạnh dạng kinh doanh thêm mặt hàng đồng hồ thời trang trong chuỗi cửa hàng Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh và mang lại kết quả vô cùng khả quan.
Nhằm mục tiêu lấy thêm thị phần điện thoại từ các cửa hàng nhỏ lẻ, tháng 8/2019 MWG đã cho ra đời chuỗi Điện Thoại Siêu Rẻ và kết thúc năm với 17 cửa hàng.
Chuỗi Bách Hóa Xanh có một năm mở mới cửa hàng thần tốc với việc mở thêm hơn 600 cửa hàng, nâng tổng số cửa hàng Bách Hóa Xanh lên 1.008 cửa hàng.

2019

THÀNH QUẢ 5 NĂM GẦN ĐÂY

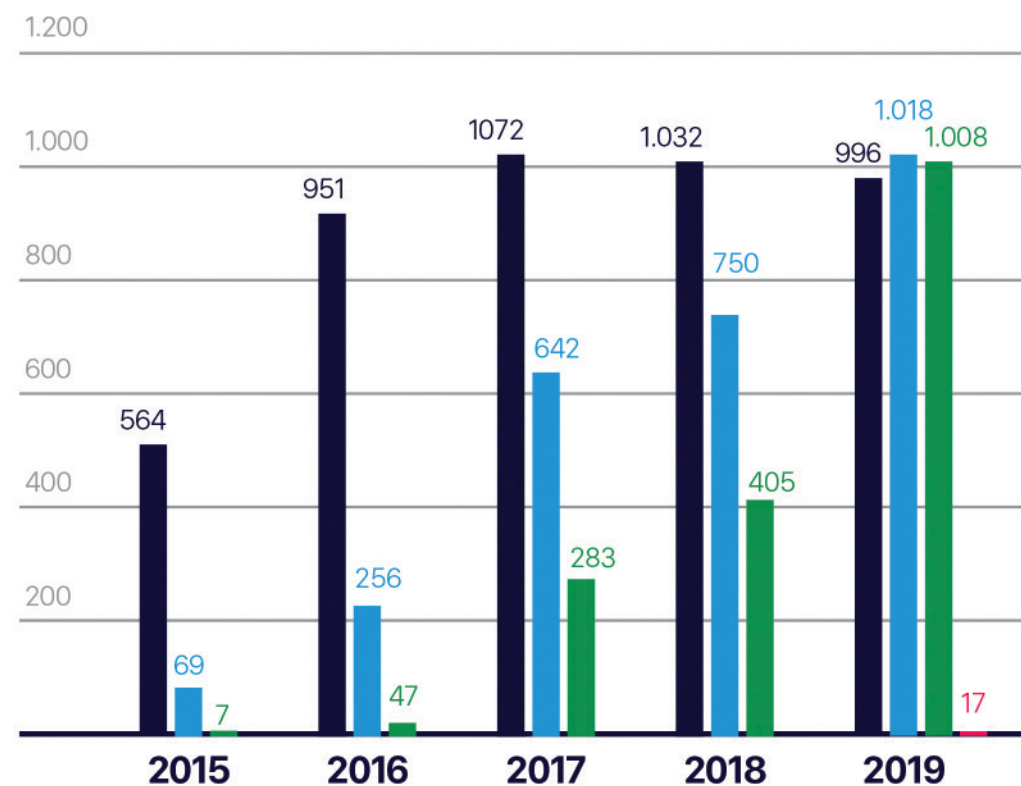


Khả năng sinh lời



Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng số cửa hàng	640	1.254	1.997	2.187	3.039
(*) Số cửa hàng bán ĐT	633	1.207	1.714	1.782	2.031

Số lượng cửa hàng trong nước liên tục tăng qua các năm



■ Thegioididong.com

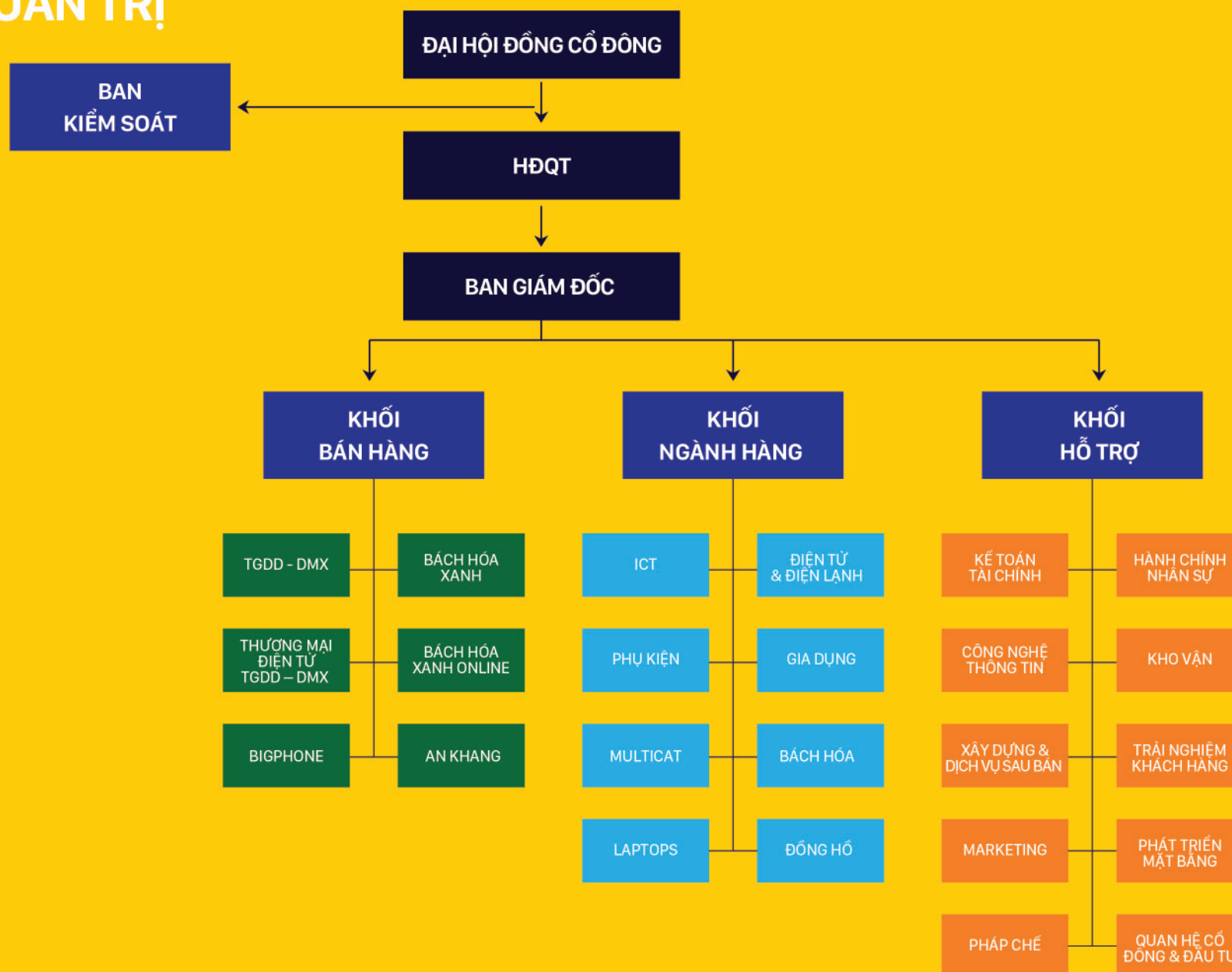
■ Bachhoaxanh.com

■ Dienmayxanh.com

■ Dienthoaisieu.com

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CƠ CẤU TỔ CHỨC

CƠ CẤU TỔ CHỨC

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh		
1	Công ty TNHH MTV Công nghệ thông tin Thế Giới Di Động	Lô T2-1.2 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, TP.HCM	Công nghệ thông tin	538	100%
2	CTCP Thế giới Di động	128 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Quận 1, TP.HCM	Thương mại sản phẩm điện tử	2.027	99,95%
3	CTCP Thương mại Bách Hóa Xanh	128 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Quận 1, TP.HCM	Thương mại thực phẩm	3.629	99,95%
4	Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Số 1174 đường Láng - Phường Láng Thượng - Quận Đống Đa - Hà Nội	Thương mại sản phẩm điện tử	861	99,33%
5	Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm	128 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Quận 1, TP.HCM	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Đầu tư gián tiếp	100%
6	MWG (Cambodia) Co., Ltd	8, 245, Phum 13, Tonle Basak, Chamkar Mon, Phnom Penh, 12301, Cambodia	Thương mại sản phẩm điện tử	Đầu tư gián tiếp	99,95%

	Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
	Công ty Cổ phần bán lẻ An Khang	128 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Quận 1, TP.HCM	Bán lẻ dược phẩm	62	49%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TÂM NHÌN

MWG là tập đoàn bán lẻ đa ngành hàng hùng mạnh nhất, có vị thế số 1 trong lĩnh vực thương mại điện tử.

Mục tiêu chính giai đoạn 2020-2022 của TGDĐ&ĐMX: Tiếp tục gia tăng thị phần, củng cố vị trí số 1 với 55% thị phần điện thoại và 50% thị phần điện máy (cuối 2022)

Mục tiêu chính giai đoạn 2020-2022 của BHX: mở rộng mạng lưới cửa hàng, tăng độ phủ, tăng thị phần, cải thiện biên lợi nhuận. Năm 2022, BHX dự kiến đóng góp trên 30% tổng doanh thu của MWG.

SỨ MỆNH

MWG liên tục cải tiến mang đến cho Khách hàng trải nghiệm thú vị và hài lòng nhất dựa trên nền tảng văn hóa đặt Khách Hàng làm trọng tâm và Integrity.

MWG mang đến cuộc sống sung túc cho nhân viên, lợi nhuận cao cho nhà đầu tư dài hạn và đóng góp phúc lợi cho cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tận tâm với khách hàng

Làm đúng cam kết và nhận trách nhiệm

Yêu thương và hỗ trợ đồng đội

Trung thực về tiền bạc và các mối quan hệ

Máu lửa trong công việc

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CỦA MWG



100 triệu dân số trẻ và có xu hướng gia tăng tiêu dùng qua mỗi năm.



Các hãng điện thoại nằm bất tốt tâm lý người tiêu dùng, không ngừng cải tiến và liên tục ra mắt sản phẩm mới. Nhiều chính sách trả góp linh hoạt, đơn giản giúp khách hàng dễ dàng sở hữu sản phẩm yêu thích.



Thị trường điện máy còn phân mảnh, cơ hội cho một số ít công ty thống lĩnh thị trường. Tỷ lệ số hộ gia đình Việt Nam đang sở hữu các sản phẩm điện lạnh (tủ giặt, máy lạnh, máy lạnh,...) còn thấp, dưới 50%.



Quy mô thị trường hơn 70 tỷ đô, chiếm 60% tổng giá trị thị trường bán lẻ hàng hóa tại Việt Nam. Hơn 90% thị phần đang nắm giữ bởi Chợ truyền thống và cửa hàng nhỏ lẻ. Chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia chiếm lĩnh thị phần ở phân khúc siêu thị mini.



Mua sắm Online là xu hướng tiêu dùng tương lai. Cơ hội tăng trưởng mảng online rất lớn với mô hình đa kênh (Omni channel) dành cho nhà bán lẻ có chuỗi cửa hàng rộng khắp.

CÁC RỦI RO

Với tính chất hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bán lẻ điện thoại di động, điện máy, thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) MWG có các rủi ro chính sau:

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro bão hòa ngành

Tốc độ tăng trưởng ngành bán lẻ điện thoại, điện máy trong nước ngày càng chậm lại gây ra thách thức lớn trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng 2 con số của công ty.

Để duy trì mức tăng trưởng cao, công ty luôn chủ động trong việc tăng số lượng các mặt hàng mới thuộc ngành hàng điện thoại, điện máy. Bên cạnh đó, công ty chủ động mở rộng sang ngành hàng mới là ngành thực phẩm và FMCGs, đây là ngành có quy mô ước tính lên tới 60-70 tỷ đô một năm, cao hơn rất nhiều so với tổng quy mô 10 tỷ đô của 2 ngành điện thoại điện máy. Ngoài việc tăng số lượng các mặt hàng mới, công ty cũng chủ động tiếp cận các khách hàng mới và thị trường nước ngoài.

Rủi ro cạnh tranh với các nhà bán lẻ khác

Với việc Việt Nam ngày càng tham gia vào nhiều hiệp định kinh tế thế giới, các điều kiện để giới hạn đầu tư của các doanh nghiệp bán lẻ nước ngoài vào Việt Nam đang dần được dỡ bỏ. Do đó số lượng các doanh nghiệp bán lẻ lớn từ nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam ngày càng tăng, gây áp lực cạnh tranh lên MWG, đặc biệt khi các doanh nghiệp đối thủ có điều kiện kinh tế hùng mạnh sẵn sàng chịu lỗ trong ngắn hạn để tạo nên cuộc chơi cạnh tranh về giá không cân sức.

MWG vẫn duy trì triết lý kinh doanh đặt khách hàng lên hàng đầu, duy trì chất lượng phục vụ tốt nhất cho khách hàng để duy trì độ trung thành của khách hàng cũ cũng như tiếp cận các khách hàng mới.

Rủi ro về kinh tế vĩ mô

Tỷ giá không ổn định, rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập khả dụng của người tiêu dùng trong tương lai. Đây là rủi ro khó kiểm soát nhất đối với MWG.

Trong các rủi ro này, MWG sẽ nỗ lực giảm thiểu ảnh hưởng của biến động tỷ giá lên kết quả kinh doanh bằng các biện pháp tài chính và dự phòng rủi ro. Ngoài ra, công ty thường xuyên theo dõi tình hình vĩ mô để có những kế hoạch hành động kịp thời.



RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro kiện tụng

Khả năng bị đưa lên tòa án vì một cá nhân thuộc công ty hoặc công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ không đúng như cam kết ban đầu.

Công ty có các biện pháp xác định và giảm thiểu rủi ro kiện tụng, điển hình như đảm bảo an toàn sản phẩm và tuân theo tất cả các luật và qui định phù hợp.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro giảm giá hàng tồn kho

- Ngành hàng điện thoại, điện máy

Khi một model mới được tung ra thị trường thì giá bán của model cũ sẽ bị nhà sản xuất giảm xuống. Nếu doanh nghiệp không kiểm soát tốt hàng tồn kho thì sẽ không được nhà sản xuất bảo vệ giá cho hàng tồn kho quá hạn của model cũ này. MWG đã xây dựng hệ thống ERP ưu việt để theo dõi đường đi của từng chiếc điện thoại riêng biệt theo IMEI (nhập xuất đích danh) để bảo đảm kiểm soát FIFO chặt chẽ và toàn bộ hàng tồn kho được nhà sản xuất bảo vệ giá.

- Ngành hàng thực phẩm, FMCGs

Bước qua lĩnh vực mới kinh doanh thực phẩm tươi sống, hàng tiêu dùng (FMCG) với dòng đời sản phẩm ngắn và rất ngắn. Thực phẩm tươi sống (rau) chỉ có thể bảo quản đến 21:00 mỗi ngày, trái cây giữ thêm tối đa 1-2 ngày. Nếu doanh nghiệp không kiểm soát được tỉ lệ hư hỏng ở mức thấp nhất có thể chấp nhận được, thì thiệt hại về giảm giá hàng tồn kho sẽ khá cao.

MWG xây dựng hệ thống ERP quản lý hạn sử dụng của các mặt hàng tiêu dùng (FMCG), báo cáo chính xác thời gian sử dụng còn lại từng sản phẩm từ đó có các biện pháp xử lý kịp thời lượng tồn kho.

Đối với thực phẩm tươi sống, Doanh nghiệp đang xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm duy trì tỉ lệ hư hỏng ở mức thấp nhất để tối thiểu hóa thiệt hại giảm giá tồn kho.

Rủi ro mất mát hàng hóa tại siêu thị

Với hệ thống kiểm soát FIFO chặt chẽ sẽ cảnh báo ngay tức thì bất kỳ điện thoại nào nhập vào siêu thị trước nhưng không được bán ra trước. Và cũng với hệ thống kiểm soát hiện đại này, mọi quy trình kiểm kê định kỳ hay đột xuất đều phát hiện sớm nhất những mất mát tại siêu thị. Khi có mất mát (dù tỉ lệ rất thấp) thì luôn có ai đó phải chịu trách nhiệm bồi thường (cá nhân hoặc tập thể siêu thị).

Rủi ro quản trị con người

Số lượng nhân viên ngày càng tăng dẫn đến vấn đề quản trị về con người trở nên khó khăn hơn, ví dụ điển hình là việc mất hàng hàng hóa do lòng tham của nhân viên, chây máu chất xám.

MWG đã và đang tiến hành hàng loạt các biện pháp để việc quản trị con người trở nên dễ dàng hơn như (i) xây dựng văn hóa trung thực cho toàn thể nhân viên; (ii) xây dựng cơ chế lương thưởng phù hợp; (iii) xây dựng đội ngũ kiểm soát nội bộ hỗ trợ IT kiểm tra định kỳ, ngăn ngừa bất thường; (iv) xây dựng chính sách cụ thể với bên thứ 3 như nhà cung cấp hàng hóa hay khách hàng.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT 2019

Doanh thu: 102.174 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế : 3.836 tỷ đồng

Quy mô hơn 3000 cửa hàng gồm: 996 cửa hàng TGDĐ, 1018 cửa hàng ĐMX, 1008 cửa hàng BHX, 17 cửa hàng ĐTSR, 18 cửa hàng điện thoại Bigphone và một cửa hàng điện máy Bigphone+tại Campuchia

Tốc độ mở mới hơn 2 cửa hàng mỗi ngày trong năm 2019. Trong đó, chuỗi ĐMX và BHX cũng vượt mốc 1.000 cửa hàng tháng 12/2019.

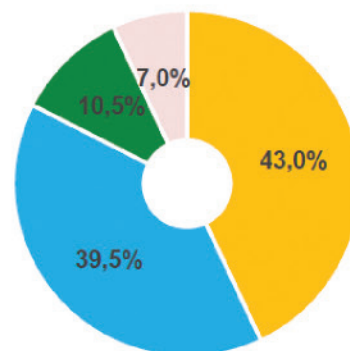
Doanh thu online đạt 12.682 tỷ đồng và chiếm hơn 12% tổng doanh thu. Với kết quả này, MWG là công ty có doanh số lớn nhất trong tổng giá trị thị trường bán lẻ trực tuyến hàng hóa tại Việt Nam. Hơn 58000 nhân viên

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện 2019 so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Thực tế 2019	Kế hoạch 2019	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế 2018	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu thuần	102.174	108.468	94,2%	86.516	18,1%
Lợi nhuận sau thuế	3.836	3.571	107,4%	2.880	33,2%

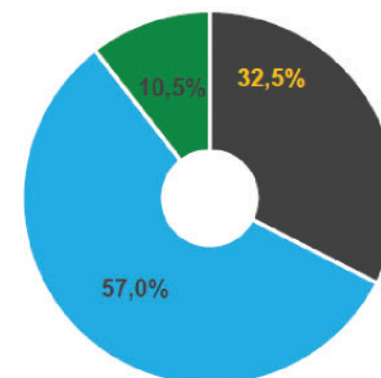
CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN PHẨM KINH DOANH



- Nhóm sản phẩm điện thoại
- Nhóm sản phẩm điện máy
- Nhóm thực phẩm tươi sống và FMCGs
- Khác

(*) Dịch vụ thu hộ bao gồm: sim, thẻ cào, trả góp, thu hộ, máy cũ...

CƠ CẤU DOANH THU THEO CHUỖI



- the gold dragon
- Điện máy XANH
- Bách hóa XANH

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT 2019

Doanh thu: 102.174 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế : 3.836 tỷ đồng

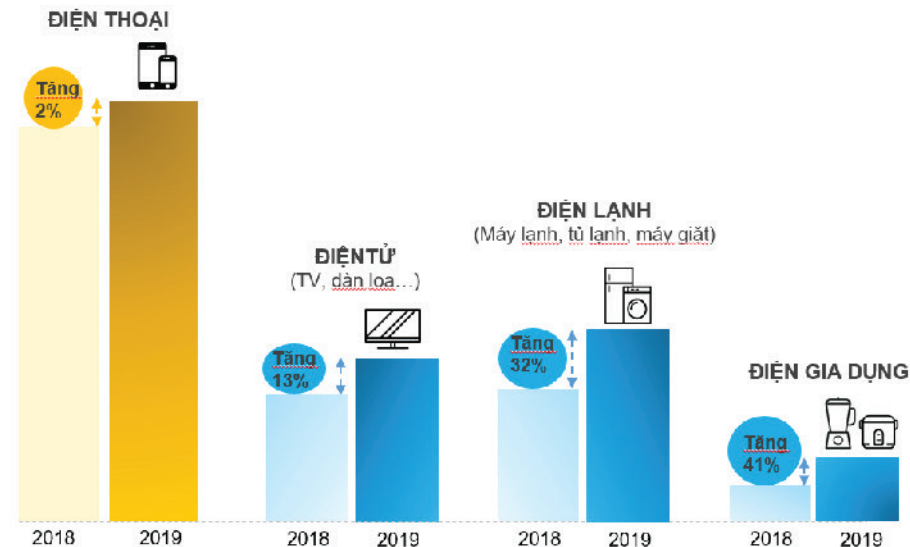
Quy mô hơn 3000 cửa hàng gồm: 996 cửa hàng TGDĐ, 1018 cửa hàng ĐMX, 1008 cửa hàng BHX, 17 cửa hàng ĐTSR, 18 cửa hàng điện thoại Bigphone và một cửa hàng điện máy Bigphone+tại Campuchia

Tốc độ mở mới hơn 2 cửa hàng mỗi ngày trong năm 2019. Trong đó, chuỗi ĐMX và BHX cùng vượt mốc 1.000 cửa hàng tháng 12/2019.

Doanh thu online đạt 12.682 tỷ đồng và chiếm hơn 12% tổng doanh thu. Với kết quả này, MWG là công ty có doanh số lớn nhất trong tổng giá trị thị trường bán lẻ trực tuyến hàng hóa tại Việt Nam. Hơn 58000 nhân viên

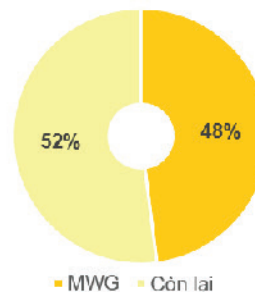
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Các sản phẩm kinh doanh chính đóng góp khoảng 80% tổng doanh thu của MWG đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều so với trung bình ngành

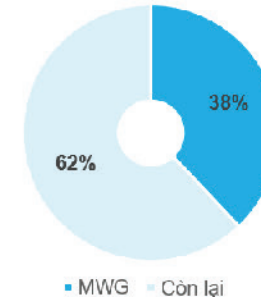


MWG liên tục **gia tăng thị phần và nới rộng khoảng cách** với các nhà bán lẻ khác trên thị trường

SẢN PHẨM ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG



SẢN PHẨM ĐIỆN MÁY



(*) Ước tính của Công ty dựa trên số liệu thống kê thị trường của GFK năm 2019

CÁC CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG TRONG NĂM 2019

TGDD & ĐMX có những thay đổi về "CHẤT" với nhiều nỗ lực triển khai vượt kỳ vọng:

- Trong bối cảnh thị trường chung đi ngang hoặc sụt giảm ở hầu hết các ngành hàng chính thuộc nhóm công nghệ, điện tử và điện lạnh, ngoài sự tăng trưởng trên 30% đối với máy lạnh và trên 10% đối với máy tính xách tay (MTXT); MWG tiếp tục tăng trưởng doanh số dương ở tất cả các ngành hàng kinh doanh. Cụ thể là, tăng trưởng 2% đối với ĐTDĐ, từ 10% đến 20% đối với MTXT - điện tử - điện lạnh khác và hơn 60% đối với máy lạnh so với năm 2018. Điều này giúp Công ty liên tục gia tăng thị phần và nới rộng khoảng cách với các nhà bán lẻ khác.
- Thay đổi layout cho ~500 cửa hàng ĐMX mini (so với kế hoạch 200 cửa hàng đầu năm 2019).
- Khai thác ngành hàng mới – đồng hồ: 253 cửa hàng shop-in-shop mang về doanh thu 800 tỷ đồng với gần 430.000 sản phẩm được bán ra chỉ trong 10 tháng triển khai năm 2019.
- Đẩy mạnh kinh doanh MTXT với 26 Trung tâm Laptop và gần 500 điểm trưng bày sản phẩm trong TGDD & ĐMX từ T9/2019, liên tục duy trì tăng trưởng trên 30% trong 4 tháng cuối năm.
- Triển khai 17 shop Điện thoại Siêu Rẻ, nhằm đến phục vụ khách hàng quan tâm đến giá rẻ.
- Ra mắt cửa hàng điện máy Bigphone+ đầu tiên tại Campuchia sau 3 năm đưa thương hiệu bán lẻ điện thoại Bigphone ra thử nghiệm ngoài thị trường Việt Nam.

Sự phát triển mạnh mẽ của BHX

- Doanh thu BHX năm 2019 gấp 2,5 lần doanh thu năm 2018, đạt 10.770 tỷ đồng, với 1.008 cửa hàng. BHX vượt 700 cửa hàng và doanh thu tháng đạt trên 1.000 tỷ từ tháng 8 (trước 4 tháng so với kế hoạch).
- Mở rộng hoạt động tại 21 tỉnh thành Nam Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ so với chủ yếu chỉ ở Tp.HCM cuối 2018. Triển khai cửa hàng Double Shop, BHX kết hợp bán hàng gia dụng.
- Tính trung bình cho cả năm, doanh thu một cửa hàng BHX mỗi tháng đạt trên 1,3 tỷ đồng trong năm 2019, tăng trưởng khoảng 45% so với mức trên 900 triệu đồng năm 2018.
- Tăng trưởng doanh thu bình quân các cửa hàng hiện hữu (khai trương trước ngày 1/1/2018) đạt trên 20%, toàn bộ số cửa hàng này đều ở Tp.HCM. Các cửa hàng đã hoạt động ổn định ở thành phố đạt doanh thu trung bình trên 1,4 tỷ đồng/tháng. Các cửa hàng ở tỉnh cần thời gian để khách hàng thấy thú vị và quen dần với việc mua sắm hàng ngày trong cửa hàng hiện đại.
- Biên lợi nhuận gộp sau hủy hàng và mất mát đạt trên 19% cho cả năm 2019 (+3% so với năm 2018). Riêng tháng 12, biên lợi nhuận gộp đã vượt 20%.
- Thực phẩm tươi sống, hàng mát và đông lạnh đóng góp gần 50% tổng doanh thu năm 2019 so với khoảng 40% năm trước.

Danh hiệu và giải thưởng trong năm 2019

- Là công ty Việt Nam duy nhất góp mặt trong Top 100 nhà bán lẻ hàng đầu, trong Top 500 nhà bán lẻ nhà bán lẻ lớn nhất Châu Á – Thái Bình Dương (Top 500 Retailers in Asia – Pacific).
- Quán quân trong Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2019 do Tạp Chí Nhịp Cầu Đầu Tư vinh danh
- Lần thứ 5 liên tiếp kể từ khi niêm yết trên sàn chứng khoán, được vinh danh trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam của Tạp chí Forbes.
- Đứng thứ 2 trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam trong bảng xếp hạng VNR 500 năm 2019.

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2020

TGDD & DMX: Kinh doanh sản phẩm điện thoại, điện máy vẫn mang lại nguồn doanh thu chính cho Công ty năm 2020 nhờ các kế hoạch sau:

- Chọn lọc các địa điểm đủ tiêu chuẩn để mở mới cửa hàng DMX, chuyển đổi cửa hàng TGDD đang kinh doanh tốt thành DMX mini để tăng thêm doanh thu;
- Thay đổi cách sắp xếp tại cửa hàng DMX lớn để tăng khả năng trưng bày sản phẩm trong khu vực Điện Gia Dụng & Đồ Dùng Gia Đình;
- Đa dạng hoá nhóm sản phẩm kinh doanh, chủng loại, mẫu mã hàng hóa;
- Thử nghiệm mô hình TGDD mini để đi sâu tiếp cận khách hàng tại những huyện, xã chưa đủ điều kiện về quy mô dân cư để mở cửa hàng TGDD chuẩn
- Tiếp tục mở thêm các cửa hàng bán điện máy tại thị trường Campuchia, bên cạnh các cửa hàng bán điện thoại di động Bigphone, với mục tiêu chiếm lĩnh vị trí số 1 thị phần trong 03 năm tới.

Bách Hóa Xanh: Bán lẻ thực phẩm và FMCGs được kỳ vọng tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng trên 100% so với năm 2019. Những mục tiêu quan trọng nhất của BHX năm 2020 là nhanh chóng mở rộng mạng lưới cửa hàng phủ khắp miền Nam, và Nam Trung Bộ để lấy thị phần, tiếp tục nỗ lực tăng trưởng doanh thu trung bình tháng trên cửa hàng và cải thiện biên lợi nhuận.

Kinh doanh online: Năm 2020, MWG tiếp tục áp dụng chính sách giá đồng nhất Online = Offline để khai thác hiệu quả mô hình bán lẻ đa kênh (omni-channel); lấy sự tiện lợi, chất lượng dịch vụ khác biệt và sự yên tâm khi mua hàng làm trọng tâm để phục vụ khách hàng. Công ty duy trì mục tiêu các trang thegioididong.com và diennayxanh.com giữ vững vị trí số 1 về kinh doanh điện thoại và điện máy tại Việt Nam. Trong khi đó, Bachhoaxanh.com hoạt động kinh doanh thực phẩm và nhu yếu phẩm online tiếp tục mở rộng phạm vi phục vụ ngoài Tp.HCM và tập trung vào nâng cao doanh thu và chất lượng dịch vụ khách hàng trong năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **Nguyễn Đức Tài**
Đồng sáng lập viên
Chủ tịch HĐQT

. Tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM
ngành Tài chính - Kế toán.

. Thạc sĩ quản trị kinh doanh tại Học
việc Quản trị CFVG

. Lần lượt nắm giữ các vị trí chủ chốt
của Công ty như Tài chính Kế toán, Kinh
doanh tiếp thị, Cung ứng Hậu cần, mở
rộng mạng lưới cửa hàng, Quản lý điều
hành chung



Ông **Trần Kinh Doanh**
Thành viên HĐQT

. Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế
TP.HCM.

. Từng giữ nhiều vị trí then chốt trong
khối Phát triển kinh doanh từ năm
2007.

. Đưa hệ thống thegioididong.com,
Điện Máy Xanh có mặt ở 63 tỉnh thành.

. 2013: Thành viên HĐQT.

. 2014 – 09/2018: Tổng Giám Đốc Công
ty CP Thế Giới Di Động.

. CPTM Bách Hóa Xanh.

. 2018 – nay : Tổng Giám Đốc Công ty
CP Đầu Tư Thế Giới Di Động



Ông **Điều Chính Hải Triều**
Đồng sáng lập viên
Thành viên HĐQT

. Cử nhân ngành Công Nghệ Thông
tin, Đại học Khoa học Tự nhiên

. Người đặt những nền tảng đầu tiên
cho hệ thống Công Nghệ Thông Tin
của Công t



Ông **Đặng Minh Lượm**
Giám Đốc Nhân Sự
Thành viên HĐQT

. Tốt nghiệp ngành Quản trị kinh
doanh, chuyên ngành QT nhân sự.

. Giám đốc Nhân sự Công ty CP Thế
Giới Di Động từ năm 2007

. Thành viên Hội đồng quản trị từ
tháng 05/2014

. Chức vụ: Giám đốc Nhân sự của
Công ty Thế Giới Di Động

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **Thomas Lanyi**
Thành viên HĐQT

- . Quốc tịch Áo.
- . Giám đốc CDH Investment Advisory Pte Ltd.
- . Giám đốc nhân sự Công ty CP Đầu Tư Thế Giới Di Động.



Ông **Robert Alan Willett**
Thành viên HĐQT
. Quốc tịch Anh.

- . Cựu Giám đốc Điều hành BestBuy International.
- . Thành viên HĐQT kiêm Cố vấn Cao cấp của Công ty từ tháng 4/2013.
- . Tốt nghiệp ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành QT nhân sự.
- . Giám đốc Nhân sự Công ty CP Thế Giới Di Động từ năm 2007.
- . Thành viên Hội đồng Quản trị từ tháng 05/2014.
- . Chức vụ: Giám đốc Nhân sự của Công ty Thế Giới Di Động



Ông **Đào Thế Vinh**
Thành viên HĐQT

- . Thạc sĩ
- . Đồng sáng lập, Tổng Giám Đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Cổng Vàng.
- . Thành viên Hội Đồng Quản Trị từ tháng 3/2019



Ông **Đoàn Văn Hiểu Em**
Thành viên HĐQT

- . Cử nhân kế toán
- . Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động
- . Thành viên Hội Đồng Quản Trị từ tháng 3/2019

BAN GIÁM ĐỐC



Ông
Trần Kinh Doanh
Tổng Giám Đốc Cty
Cổ Phần Đầu Tư
Thế Giới Di Động



Ông
Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám Đốc Cty
Cổ Phần
Thế Giới Di Động



Ông
Nông Văn Dũng
Tổng Giám Đốc Cty
CPTM Bách Hóa Xanh



Ông
Đặng Minh Lượm
Giám Đốc Nhân Sự



Ông
Phạm Văn Trọng
Giám đốc Cty TNHH
MTV CNTT
Thế Giới Di Động



Ông
Đoàn Trung Hiếu
Giám đốc Cty Tận Tâm



Ông
Quách Vĩnh Nam
Giám đốc
Bán Hàng Toàn Quốc
TGDD - ĐMX



Ông
Phùng Ngọc Tuyên
Giám đốc
Ngành hàng ICT



Ông
Trần Văn Hoàng
Giám đốc
Ngành hàng CE



Bà
Nguyễn Thị Ngọc Thương
Giám đốc
Ngành hàng BHX



Ông
Đỗ Tuấn Anh
Giám đốc
Cung ứng Hậu cần



Ông
Vũ Đăng Linh
Giám đốc
Tài chính



Ông
Bùi Ngọc Tín
Giám đốc
Khối CNTT



Bà
Lê Thảo Trang
Giám đốc
Marketing



Bà
Hoàng Khánh Chi
Giám đốc
Trải nghiệm
Khách hàng



Bà
Lý Trần Kim Ngân
Kế toán trưởng



Bà
Lê Thị Thu Trang
Giám đốc Đầu Tư
và Quan hệ Cổ đông

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau



Ông
Trần Huy Thanh Tùng
Trưởng ban

. Từng giữ chức vụ Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính của Công ty từ năm 2007 đến năm 2013.

. Trưởng ban Kiểm soát của Công ty vào cuối năm 2013.



Ông
Hoàng Hữu Hưng
Thành viên

. Từng giữ chức vụ Phó phòng Kiểm soát, Quyền Trưởng phòng Kiểm soát Công ty KPMG Việt Nam.

. Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ Công ty CP Đầu Tư Thế Giới Di Động.

. Được Đại hội Cổ Đông thường niên bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát - Nhiệm kỳ 2017-2020.



Bà
Đỗ Thị Loan
Thành viên

. Cử nhân Kế toán Trưởng ĐH Thủy sản Nha Trang.

. Cử nhân Luật Trưởng ĐH Luật TP.HCM.

. Được bổ nhiệm làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty CP Đầu Tư Thế Giới Di Động. từ tháng 03/2018.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2017	2018	2019	% Thay đổi 2019 so với 2018
Tổng tài sản	22.823	28.123	41.708	48,3%
Doanh thu thuần	66.340	86.516	102.174	18,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.988	4.126	5.259	27,5%
Lợi nhuận trước thuế	2.809	3.786	5.053	33,5%
Lợi nhuận sau thuế	2.207	2.880	3.836	33,2%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2017		Báo Cáo Thường Niên 2019	31
KHẢ NĂNG THANH TOÁN				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,2	1,3	1,2	
Hệ số thanh toán nhanh	0,3	0,3	0,3	
Nợ ròng/Ebitda	1,0	0,6	1,0	
Số ngày hàng tồn kho bình quân (ngày)	70,8	75,6	95,3	
Số ngày phải thu bình quân (ngày)	4,6	3,8	1,1	
Số ngày phải trả bình quân (ngày)	39,9	40,0	44,8	
Vòng quay tiền mặt (ngày)	35,6	39,4	51,7	
CƠ CẤU VỐN				
Hệ số tổng nợ/tổng tài sản	0,7	0,7	0,7	
Hệ số tổng nợ/vốn chủ sở hữu	2,9	2,1	2,4	
Nợ ròng/vốn chủ sở hữu	1,2	0,8	1,2	
CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG				
Vòng quay hàng tồn kho	5,2	4,8	3,8	
Vòng quay tổng tài sản	3,5	3,4	2,9	
KHẢ NĂNG SINH LỜI				
Biên lợi nhuận gộp	16,8%	17,7%	19,1%	
Biên lợi nhuận hoạt động	4,5%	4,8%	5,1%	
Chi phí bán hàng/doanh thu	10,6%	11,2%	12,2%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu	2,0%	2,0%	2,0%	
Biên lợi nhuận ròng	3,3%	3,3%	3,8%	
Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (ROE)	45,3%	38,7%	36,3%	
Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản (ROA)	11,7%	11,3%	11,0%	
Hệ số thu nhập trên tổng vốn đầu tư (ROIC)	22,4%	22,4%	20,2%	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

► GHI CHÚ

a. Các hệ số thanh toán ngắn hạn cũng như hệ số thanh toán nhanh tiếp tục được duy trì ổn định trong năm 2019.

b. Số ngày hàng tồn kho tăng từ mức 75 ngày lên hơn 95 ngày vì các lý do sau: (i) Số lượng cửa hàng của MWG tăng mạnh từ mức 2.187 cửa hàng năm 2018 lên mức 3.039 cửa hàng tại thời điểm cuối năm 2019; (ii) tỷ lệ đóng góp ngày càng lớn của nhóm hàng điện máy trong tổng doanh thu, cụ thể tỷ lệ đóng góp nhóm ngành hàng điện máy đã tăng từ mức 37% trong năm 2018 lên mức 39,5% trong năm 2019. Lưu ý số ngày hàng tồn kho trung bình của nhóm hàng điện máy thường cao hơn nhóm hàng điện thoại; (iii) Tết âm lịch năm 2020 rơi vào tháng 1 dương lịch 2020 nên công ty chủ động trữ hàng tồn kho trong tháng 12 để phục vụ cho nhu cầu mua sắm tết. Trong khi tết âm lịch 2019 rơi vào tháng 2 năm 2019.

c. Cơ cấu tổng nợ trên tổng tài sản được duy trì ổn định ở mức 0,7 lần trong năm 2019. Tuy nhiên tỷ lệ nợ ròng trên vốn chủ sở hữu tăng từ mức 0,8 lần lên mức 1,2 lần vì công ty tận dụng vốn vay ngắn hạn để trữ hàng tồn kho cho mùa bán tết. Tỷ lệ này hoàn toàn trong mức công ty có thể kiểm soát được.

d. Biên lợi nhuận ròng tăng đáng kể so với năm 2018 chủ yếu nhờ sự cải thiện của biên lợi nhuận gộp. Biên lợi nhuận gộp tăng mạnh nhờ lợi thế cạnh tranh về quy mô cũng như việc cơ cấu danh mục sản phẩm cho phù hợp.

e. Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) giảm 2,4 điểm phần trăm so với năm 2018 còn 36,2% một phần vì vốn chủ sở hữu công ty tăng lên nhờ phần lợi nhuận giữ lại trong năm 2019. Bên cạnh đó, chuỗi TGDD và ĐMX tiếp tục tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong khi chuỗi Bách Hóa Xanh – động lực tăng trưởng chính của công ty từ 2022 trở đi – vẫn đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng và chưa đóng góp lợi nhuận.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU, TĂNG VỐN TRONG NĂM

Trong năm 2019, Công ty đã phát hành 50.000 cổ phiếu với mức giá phát hành 10.000 đồng/ cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của công ty theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết Hội đồng Quản trị đã được thông qua trong năm. Theo đó, vốn điều lệ công ty tăng từ 4.434.961.780.000 đồng lên 4.435.461.780.000 đồng.



CỔ PHẦN

- **Tổng số lượng cổ phiếu:** 443.546.178 cổ phiếu
- **Cổ phiếu quỹ:** 856.236 cổ phiếu. Riêng trong năm 2019 Cty đã mua lại 486.951 cổ phiếu quỹ chủ yếu từ việc thu hồi cổ phiếu ESOP của nhân viên.
- **Cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành:** 442.689.942 cổ phiếu

thegioididong
1999

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CP	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					Tổ Chức	Cá nhân
1.	Cổ đông sáng lập	21.555.197	4,9%	4		4
	Trong nước	21.555.197	4,9%	4		4
	Nước ngoài					
2.	Các nhà đầu tư lớn (trên 5%)	140.365.955	31,6%	12	12	
	Trong nước	90.151.445	20,3%	2	2	
	Nước ngoài	50.214.510	11,3%	10	10	
3.	Quản lý và Nhân viên MWG	52.174.958	11,8%	3.835		3.835
	Trong nước	52.174.958	11,8%	3.835		3.835
	Nước ngoài					
4.	Các nhà đầu tư khác	228.593.832	51,5%	8.190	200	7.990
	Trong nước	61.470.715	13,9%	8.044	87	7.957
	Nước ngoài	167.123.117	37,7%	146	113	33
5.	Cổ phiếu quỹ	856.236	0,2%	0,2%		
	TỔNG CỘNG	443.546.178	100,0%	12.041	212	11.829

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÓNG GÓP CỘNG ĐỒNG

• **Quỹ từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động** được UBND Tỉnh Bình Dương cấp giấy phép thành lập số 25/QĐ-UBND ngày 5/1/2019 và được công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động theo quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 18/03/2019. Quỹ từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động là quỹ hoạt động không vì lợi nhuận, minh bạch tài chính 100%, nhằm mục đích: (i) hỗ trợ sinh hoạt phí cho các em sinh viên, học sinh dưới hình thức học bổng không hoàn lại hoặc cho mượn không lãi suất và hoàn trả sau khi ra trường đi làm; (ii) Xây dựng và vận hành các nhà tình thương để nuôi dưỡng các trẻ em mồ côi và trẻ em không nơi nương tựa.



• **Trong năm 2019** MWG đã triển khai 3 đợt hiến máu từ nhân viên nội bộ MWG, thu về được tổng cộng hơn 800 túi máu và được cty gửi về các bệnh viện hỗ trợ các bệnh nhân.

• **Nhân dịp Tết Canh Tý** cùng cột mốc đạt đến 1.000 siêu thị toàn quốc, Điện máy XANH đồng hành cùng Panasonic, Midea, Kangaroo, Sunhouse, Happycook trao tặng 10.000 nồi cơm điện cho các gia đình khó khăn toàn quốc. Danh sách hộ nghèo địa phương được trao quà với tiêu chí "Đúng người, đúng hộ nghèo của địa phương" do chính quyền địa phương xác nhận

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tiết kiệm năng lượng

Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động và vận động nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng tại văn phòng công ty và toàn hệ thống siêu thị trên khắp cả nước.

Tất cả các siêu thị đều được trang bị các thiết bị tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường như vật liệu có khả năng tái chế, đèn led, thiết bị cảm ứng hẹn giờ bật tắt điện tự động, đáp ứng đầy đủ yêu cầu Phòng cháy chữa cháy...

Kể từ năm 2013, các siêu thị của MWG đều được lắp đặt bộ cảm biến quang tự động bật đèn bằng hiệu, vào lúc 18 giờ hoặc khi trời đủ tối và tự tắt vào 22 giờ mỗi ngày.

Ngoài ra, nhằm tối ưu hiệu quả tiết kiệm điện năng trong toàn hệ thống và nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng, công ty thiết kế hệ thống tự động mở đèn, máy lạnh vào 7 giờ và tắt vào 23 giờ mỗi ngày tại các siêu thị Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh.

- Tăng sử dụng bao bì sinh học tự hủy

Với đặc thù là đơn vị bán lẻ, MWG sử dụng nhiều bao bì để đựng hàng hóa cho khách hàng. Chúng tôi nhận thức việc sử dụng túi ni-lông là không tốt cho môi trường nên luôn không ngừng có các giải pháp phù hợp. Hiện nay, toàn bộ bao bì được sử dụng tại chuỗi Thế Giới Di Động và Bách Hóa Xanh đều là bao bì sinh học tự hủy

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

• Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến cuối năm 2019 là hơn 58000 nhân viên, trong đó số lượng cụ thể từng khối như sau:

Khối	Năm 2018	Năm 2019
Khối bán hàng Online	596	490
Khối công nghệ thông tin	370	412
Khối cung ứng hậu cần	2.485	10.609
Khối Hành chính - nhân sự	94	151
Khối phát triển doanh nghiệp	897	1.221
Khối siêu thị	36.139	44.981
Khối tài chính kế toán	444	548
Tổng	41.025	58.412

MWG luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản Bảo hiểm bắt buộc cho toàn bộ nhân viên Công ty. Chính sách hàng tháng ngoài lương, nhân viên khối bán hàng còn có thêm các khoản thưởng theo năng suất bán hàng, thưởng phục vụ, thưởng nóng các chương trình thi đua.

Thưởng cuối năm hấp dẫn: từ 3 đến 12 tháng thu nhập tùy thuộc vào vị trí, cấp bậc và mức đóng góp trong việc hoàn thành kế hoạch chung của Công ty. QLST ngoài thưởng tiền mặt còn được thưởng cổ phiếu, thưởng Sao Phục Vụ vào cuối năm

Các chính sách thăng tiến nội bộ, chỉ cần 6 tháng vào làm việc, có đủ điều kiện Sao Phục Vụ là có thể ứng tuyển thăng cấp quản lý.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Nhân viên được mua hàng ưu đãi các mặt hàng công ty (TGĐĐ, ĐMX) đang kinh doanh.

Ngoài chế độ BHXH theo quy định của Nhà nước, NV còn được tham gia Bảo hiểm sức khỏe cho bản thân và gia đình, bảo hiểm tai nạn.

Du lịch Teambuilding.

Công đoàn viên có quà tết, quà sinh nhật, trung thu ...và nhiều hoạt động khác.

Các chính sách khác như hôn hỉ, tang chế,...

- Hoạt động đào tạo người lao động

Bộ phận đào tạo của công ty luôn nỗ lực thiết kế các khóa học về chuyên môn cũng như kỹ năng mềm phù hợp với từng phòng ban. Tính riêng trong năm 2019, Bộ phận đào tạo đã tổ chức tổng cộng 1.632 khóa đào tạo, thu hút 93.240 lượt tham gia của toàn thể nhân viên MWG, tương đương số giờ đào tạo trung bình mỗi nhân viên là 10 giờ.

Bộ phận quan hệ lao động, Công đoàn Công ty luôn đồng hành và lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của Nhân viên ở tất cả các cấp, các bộ phận nhằm tháo gỡ những vướng mắc, kịp thời hỗ trợ, kêu gọi giúp đỡ các gia cảnh khó khăn.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2019

Kết thúc năm 2019, MWG ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 102.174 tỷ đồng (tăng trưởng 18%) và lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 3.836 tỷ đồng (tăng trưởng 33%) so với năm 2018. Với kết quả này, Công ty hoàn thành 94% kế hoạch doanh thu và vượt 107% kế hoạch LNST cả năm. MWG tiếp tục giữ vững vị thế nhà bán lẻ số 1 Việt Nam và là công ty bán lẻ Việt Nam duy nhất lọt Top 100 nhà bán lẻ hàng đầu châu Á – Thái Bình Dương.

Doanh thu đến từ các giao dịch online trong năm đạt 12.682 tỷ đồng và chiếm hơn 12% tổng doanh thu của Công ty. Như vậy, MWG là công ty doanh số lớn nhất trong tổng giá trị thị trường bán lẻ trực tuyến hàng hóa tại Việt Nam.

Biên lợi nhuận gộp đạt 19,1% (+1,4% so với năm 2018) và là mức cao nhất từ trước tới nay. Biên LNG của hầu hết các ngành hàng được cải thiện từ quý 3/2019 nhờ MWG chủ động mở rộng danh mục hàng hóa, đẩy mạnh bán sản phẩm đến từ các thương hiệu đa dạng với nhiều mẫu mã và phân khúc giá để khách hàng dễ lựa chọn. Nhiều sản phẩm được ưa chuộng có sản lượng tiêu thụ lớn, dù doanh thu đóng góp không cao nhưng đem lại lợi nhuận tốt. Quy mô 3.058 cửa hàng với tốc độ mở mới hơn 2 cửa hàng mỗi ngày trong năm 2019. Trong đó, chuỗi ĐMX và BHX cùng vượt mốc 1.000 cửa hàng tháng 12/2019. Cụ thể là:

Có 1.018 cửa hàng, thêm 268 cửa hàng mới so với cuối năm ngoái do cả mở mới và chuyển đổi từ cửa hàng TGDĐ

Chuỗi
Điện Máy Xanh

Thêm 603 điểm bán, nâng tổng số cửa hàng BHX lên 1.008

Chuỗi
Bách Hóa Xanh

Có 19 siêu thị tại Campuchia

Chuỗi
Bigphone

Công ty có 1.013 cửa hàng bán lẻ điện thoại, bao gồm 996 cửa hàng TGDĐ và 17 cửa hàng Điện Thoại Siêu Rẻ (ĐT SR)

Thông thường, việc mở rộng mạng lưới mạnh mẽ có ảnh hưởng ngắn hạn tới biên lợi nhuận ròng do làm tăng % chi phí bán hàng trên doanh thu nhưng MWG vẫn tăng biên LNST cả năm lên mức 3,8%, cao hơn đáng kể so với 3,3% năm 2018.

Với sự dẫn dắt của CEO mới Công ty Cổ Phần Thế Giới Di Động – đơn vị kinh doanh bán lẻ điện thoại & điện máy vận hành hai chuỗi TGDĐ và ĐMX, Công ty đã có những thay đổi về “CHẤT” với nhiều nỗ lực triển khai vượt kỳ vọng như:

- Trong bối cảnh thị trường chung đi ngang hoặc sụt giảm ở hầu hết các ngành hàng chính thuộc nhóm công nghệ, điện tử và điện lạnh, ngoài sự tăng trưởng trên 30% đối với máy lạnh và trên 10% đối với máy tính xách tay (MTXT); MWG tiếp tục tăng trưởng doanh số dương ở tất cả các ngành hàng kinh doanh. Cụ thể là, tăng trưởng 2% đối với ĐTDĐ, từ 10% đến 20% đối với MTXT – điện tử – điện lạnh khác và hơn 60% đối với máy lạnh so với năm 2018. Điều này giúp MWG liên tục gia tăng thị phần và nới rộng khoảng cách với các nhà bán lẻ khác.
- Tiếp tục triển khai việc chuyển đổi hơn 30 siêu thị từ TGDĐ thành ĐMX mini hoặc ĐMX. Mục đích của việc chuyển đổi cửa hàng là tăng doanh số thông qua nỗ lực mở rộng diện tích để kinh doanh thêm nhóm sản phẩm điện máy tại các cửa hàng TGDĐ đang có doanh thu cao và nằm ở các khu vực mà chuỗi bán lẻ điện máy hiện đại còn chưa phủ dày đặc.
- Hoàn thành nâng cấp layout trưng bày mới cho gần 500 siêu thị ĐMX mini (so với kế hoạch 200 cửa hàng đầu năm 2019). Như vậy, toàn bộ cửa hàng ĐMX mini hiện tại đã được sắp xếp theo layout mới, có sức trưng bày tối ưu khoảng 70%-80% số mặt hàng so với cửa hàng ĐMX lớn.
- Khai thác ngành hàng mới – đồng hồ: 253 cửa hàng shop-in-shop mang về doanh thu 800 tỷ đồng với gần 430.000 sản phẩm được bán ra chỉ trong 10 tháng triển khai năm 2019.
- Đẩy mạnh kinh doanh máy tính xách tay với 26 Trung tâm Laptop và gần 500 điểm trưng bày sản phẩm trong TGDĐ & ĐMX từ T9/2019, liên tục duy trì tăng trưởng trên 30% trong 4 tháng cuối năm.
- Triển khai thử nghiệm chuỗi cửa hàng “Điện Thoại Siêu Rẻ”, từ tháng 8/2019, tập trung phục vụ nhóm khách hàng quan tâm đến giá rẻ. Các cửa hàng ĐTSR có diện tích từ 15-20m², được tối ưu hoá về chi phí vận hành để mang đến cho khách hàng các sản phẩm chính hãng với giá bán lẻ hấp dẫn cho phân khúc từ 8 triệu trở xuống
- Ra mắt cửa hàng điện máy Bigphone+ đầu tiên tại Campuchia sau 3 năm đưa thương hiệu bán lẻ điện thoại Bigphone ra thử nghiệm ngoài thị trường Việt Nam

Doanh thu từ bán lẻ thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng thiết yếu đến từ chuỗi Bách Hóa Xanh năm 2019 đạt 10.770 tỷ đồng, gấp 2,5 lần doanh thu năm 2018. Như vậy, BHX là chuỗi có tốc độ tăng trưởng doanh thu cao nhất trong các mô hình bán lẻ của MWG. Từ 405 cửa hàng hầu hết tại Tp.HCM vào cuối năm 2018, BHX đã có 1.008 cửa hàng tại thời điểm 31/12/2019, bao gồm:

- 575 cửa hàng tại 20 thị trường tỉnh, tương đương khoảng 57% số cửa hàng của toàn chuỗi (so với mức 8% cuối tháng 12/2018).
- 188 cửa hàng lớn 300m2, chiếm khoảng 19% số cửa hàng toàn chuỗi (so với mức 8% cùng kỳ năm ngoái).

Năm 2019 cũng ghi nhận những bước phát triển mạnh mẽ của chuỗi BHX như:

- BHX vượt mốc 700 cửa hàng và doanh thu tháng đạt trên 1.000 tỷ từ tháng 8/2019 (trước 4 tháng so với dự kiến). Đây là tiến đề quan trọng để chuỗi tự tin đẩy nhanh tốc độ mở mới và tiến ra khu vực miền trung ngay trong năm nay. Do mở rộng phạm vi hoạt động, Công ty đã đầu tư xây dựng thêm các kho/trung tâm phân phối để phục vụ hoạt động logistics hiệu quả. Đây là nền tảng cần thiết và phải được chuẩn bị nhiều tháng trước khi triển khai các cửa hàng ở tỉnh mới. Như vậy, chỉ sau 4 năm ra mắt trên thị trường, BHX đã mở rộng được hơn 1.000 điểm bán, ghi nhận mức lợi nhuận (EBITDA dương) tại cửa hàng và bù đắp được một phần chi phí kho vận – trung tâm phân phối.
- Mở rộng hoạt động tại 21 tỉnh thành khu vực Nam Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ so với chủ yếu chỉ ở Tp.HCM cuối 2018. Triển khai cửa hàng Double Shop – BHX kết hợp bán hàng gia dụng.
- Tính trung bình cho cả năm, doanh thu một cửa hàng BHX mỗi tháng đạt trên 1,3 tỷ đồng trong năm 2019, tăng trưởng khoảng 45% so với mức trên 900 triệu đồng năm 2018.
- Tăng trưởng doanh thu bình quân các cửa hàng hiện hữu (khai trương trước ngày 1/1/2018) đạt trên 20%, toàn bộ số cửa hàng này đều ở Tp.HCM. Các cửa hàng đã hoạt động ổn định ở thành phố đạt doanh thu trung bình trên 1,4 tỷ đồng/tháng. Các cửa hàng ở tỉnh cần thời gian để khách hàng thấy thú vị và quen dần với việc mua sắm hàng ngày trong cửa hàng hiện đại.
- Biên lợi nhuận gộp sau hủy hàng và mất mát đạt trên 19% cho cả năm 2019 (+3% so với năm 2018). Riêng tháng 12, biên lợi nhuận gộp đã vượt 20%.
- Thực phẩm tươi sống, hàng mát và đông lạnh đóng góp gần 50% tổng doanh thu năm 2019 so với khoảng 40% năm trước.

BGD và toàn thể nhân viên tiếp tục đồng thuận và mạnh mẽ sống với văn hoá Đặt Khách Hàng Làm Trọng Tâm trong mọi suy nghĩ và hành động, đem đến cho khách hàng trải nghiệm và dịch vụ vượt trội. Vinh dự nhận được ghi nhận từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước như:

- Là công ty Việt Nam duy nhất góp mặt trong Top 100 nhà bán lẻ hàng đầu, trong Top 500 nhà bán lẻ nhà bán lẻ lớn nhất Châu Á – Thái Bình Dương (Top 500 Retailers in Asia – Pacific).
- Quán quân trong Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2019 do Tạp Chí Nhịp Cầu Đầu Tư vinh danh.
- Lần thứ 5 liên tiếp kể từ khi niêm yết trên sàn chứng khoán, được vinh danh trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam của Tạp chí Forbes.
- Đứng thứ 2 trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam trong bảng xếp hạng VNR 500 năm 2019

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2019:

Chỉ tiêu	Thực tế 2019	Kế hoạch 2019	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế 2018	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu thuần	102.174	108.468	94,2%	86.516	18,1%
Lợi nhuận sau thuế	3.836	3.571	107,4%	2.880	33,2%

Chi tiết Báo cáo tài chính 2019 đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.mwg.vn

B. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Các buổi họp của Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
01	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	12	100%
02	Trần Lê Quân	Thành viên	2	17%
03	Trần Kinh Doanh	Thành viên	12	100%
04	Điêu Chính Hải Triều	Thành viên	12	100%
05	Robert Willett	Thành viên	12	100%
06	Thomas Lanyi	Thành viên	12	100%
07	Đặng Minh Lượm	Thành viên	12	100%
08	Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	10	83%
09	Đào Thế Vinh	Thành viên	10	83%

(Thành viên độc lập: 3/8, Thành viên không điều hành 4/8)

Thông qua các buổi họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản HĐQT đã ban hành các Nghị quyết sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ/HĐQT-2019	8/1/2019	Thông qua việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
02	02/2019/HĐQT/NQ-TGDD	8/1/2019	Thông qua việc bầu Hội đồng Quản lý quỹ từ thiện Mái Ấm TGDĐ căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/09/2014
03	03/NQ/HĐQT-2019	22/2/2019	Thông qua việc tăng vốn điều lệ cho CTCP TM Bách hóa Xanh
04	01_2019/NQĐHCĐ/TGDD	22/3/2019	Thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
05	01_2019/NQĐHCĐ/TGDD	26/3/2019	Thông qua việc bổ nhiệm Tổng Giám Đốc
06	04/NQ/HĐQT-2019	1/4/2019	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019
07	05/NQ/HĐQT-2019	23/4/2019	Thông qua phương án phát hành quyền chọn mua cổ phần
09	06/2019/HĐQT/NQ-MWG	23/4/2019	Thông qua hồ sơ chuẩn bị cho việc phát hành quyền chọn mua cổ phần
09	07/2019/HĐQT/NQ-MWG	8/5/2019	Thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt dựa trên KQKD năm 2018

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
10	09/NQ/HĐQT-2019	23/08/2019	Thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động.
11	10/NQ/HĐQT-2019	23/08/2019	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động.
12	11/NQ/HĐQT-2019	17/09/2019	Thông qua kết quả phát hành 50.000 cổ phiếu.
13	12.1/NQ/HĐQT-2019	18/10/2019	Thông qua việc giải tỏa hợp pháp cho những trường hợp tử tuất theo quy chế ESOP 2016,2017
14	12.2/NQ/HĐQT-2019	22/10/2019	Thông qua danh sách tử tuất được giải tỏa hạn chế cổ phiếu
15	12/NQ/HĐQT-2019	27/11/2019	Thông qua phương án phát hành ESOP
16	13/NQ/HĐQT-2019	27/11/2019	Thông qua hồ sơ phát hành
17	14/NQ/HĐQT-2019	13/12/2019	Thông qua kế hoạch kinh doanh
18	15/NQ/HĐQT-2019	13/12/2019	Thông qua việc thu hồi cổ phiếu của nhân viên.

Nhờ đó, tập thể Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG) đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông trong năm 2019 giao phó

C. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

Năm 2020, HĐQT dự kiến kế hoạch hoạt động chung như sau:

- Tập trung đôn đốc, giám sát việc triển khai kế hoạch để hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh.
- Tăng cường việc giám sát, kiểm tra hoạt động của Ban Giám đốc để cùng đưa Công ty từng bước chuyên nghiệp theo quy chuẩn của một Công ty đại chúng.
- Tiếp tục tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ và bất thường để lắng nghe kiến nghị của Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành, từ đó HĐQT đưa ra những quyết nghị thiết thực và hiệu quả cho Ban Điều hành triển khai thực hiện.

2. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2019.
- Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HĐQT và BGĐ;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Trong năm 2019, Ban Kiểm Soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm Soát nhằm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2019. Cũng như hoạt động của HĐQT, thành viên Ban Kiểm Soát không nhận thù lao và hoạt động của Ban Kiểm Soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BKS

- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ
Các nghị quyết được thông qua bởi ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã triển khai và thực hiện đầy đủ, Chi trả cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 15% (1.500VND/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu.
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: MWG đã hoàn tất việc phát hành 10.520.045 cổ phần (tương đương 2,4% cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành) cho 4.072 người lao động vào tháng 12/2019 và tháng 01/2020.
Tăng vốn đầu tư cho Chuỗi Bách Hóa Xanh thêm 1.000 tỷ đồng (22/02/2019) tỷ đồng phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh doanh Bách Hóa Xanh

- Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HĐQT và BGD:

Trong năm 2019, HĐQT đã họp 12 lần, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ đúng quy định điều lệ Công ty.

Tuân thủ nghiêm các điều lệ của MWG và pháp luật.

Tập trung tối ưu doanh thu trên mỗi cửa hàng chuỗi thegioididong.com, Điện Máy Xanh và Bách Hoá Xanh.

Cải thiện biên lãi gộp của tất cả các chuỗi.

Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng được đặt lên hàng đầu.

Kết luận: HĐQT đã thực hiện hợp lệ Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019. Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ theo đúng thẩm quyền, nội dung các Nghị quyết này tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam.

- Giám sát tình hình tài chính

BKS đồng ý với ý kiến của công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young về báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Báo cáo tài chính được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành

Tổng quan số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đơn vị tính: tỷ đồng)

Báo cáo KQHĐKD	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu	102.174	86.516	18,1%
Lợi nhuận trước thuế	5.053	3.786	33,5%
Lợi nhuận sau thuế	3.836	2.880	33,2%

Bảng cân đối kế toán	31/12/2019	1/1/2019			
Tài sản ngắn hạn	35.012	23.372	Nợ ngắn hạn	28.442	17.929
Tài sản dài hạn	6.696	4.751	Nợ dài hạn	1.122	1.210
Tổng tài sản	41.708	28.123	Nợ phải trả	29.565	19.139
			Vốn chủ sở hữu	12.144	8.983
			Tổng nguồn vốn	41.708	28.123

Công ty đã hoàn thành 94% kế hoạch doanh thu và vượt 107% kế hoạch LNST cả năm.

- Giám sát tình hình hoạt động

Hoạt động quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro năm 2019 của Công ty đã có sự phát triển đáng kể và gắn bó chặt chẽ hơn với hoạt động kinh doanh. BKS đã tham gia các đầy đủ các cuộc họp với Ban giám đốc và các cấp quản lý trực tiếp đánh giá rủi ro cấp Công ty và rủi ro liên quan đến quy trình của các phòng ban cũng như thường xuyên trao đổi và đóng góp ý kiến với Ban Lãnh đạo Công ty.

Hoạt động kiểm tra của phòng kiểm soát nội bộ

Phòng kiểm soát nội bộ vẫn tiếp tục là một bộ phận trực thuộc BGĐ. Kiểm soát nội bộ có đầy đủ nguồn lực cần thiết và quyền tiếp cận thông tin để thực hiện kiểm toán. Kiểm soát nội bộ cũng có quyền tiếp cận trực tiếp tới Chủ tịch HĐQT và BKS để báo cáo về các kết quả kiểm toán

Kết quả đánh giá sự tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy định: BKS nhận thấy không có rủi ro trọng yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy định của các nhân viên và quản lý Công ty. Trong năm 2019, các phát hiện kiểm toán đã được xác định trách nhiệm và đưa vào tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của từng cá nhân liên quan, giúp nâng cao đáng kể ý thức về tuân thủ của các cấp quản lý và nhân viên. Các kế hoạch hành động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát theo khuyến nghị của kiểm soát nội bộ cũng được các khối điều hành trong Công ty triển khai đầy đủ.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH (CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ)

A. CHI TIẾT GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG/GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG,...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
I	Nguyễn Đức Tài						
01	Nguyễn Đức Tài		11.462.808	2,57%	11.582.178	2,61%	Mua
02	Nguyễn Thị Lệ Thanh	Chị gái		0,00%	590	0,00%	Mua
03	Nguyễn Thị Thu Thảo	Em gái	236.041	0,05%	136.041	0,03%	Bán
04	Nguyễn Thị Thu Tâm	Em gái	160.095	0,04%	160.095	0,04%	
05	Phan Thị Thu Hiền	Vợ	2.933.186	0,66%	2.453.186	0,55%	Bán
II	Điêu Chính Hải Triều						
01	Điêu Chính Hải Triều		3.810.013	0,86%	3.810.013	0,86%	
02	Nguyễn Xuân Đoài	Vợ	2.439.018	0,55%	2.439.018	0,55%	

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG/GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG,...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
III	Trần Kinh Doanh						
01	Trần Kinh Doanh		3.142.290	0,71%	3.642.290	0,82%	Mua
IV	Đặng Minh Lượm						
01	Đặng Minh Lượm		960.810	0,22%	960.810	0,22%	
V	Robert Alan Willett						
01	Robert Alan Willett		2.666.808	0,60%	2.666.808	0,60%	
VI	Đoàn Văn Hiếu Em						
01	Đoàn Văn Hiếu Em		381.800	0,09%	381.800	0,09%	
VII	Trần Huy Thanh Tùng						
01	Trần Huy Thanh Tùng		6.162.998	1,39%	6.162.998	1,39%	
02	Nguyễn Thị Thu Hương	Vợ	2.131.154	0,48%	2.131.154	0,48%	
03	Trần Huy Thanh Đại	Em trai	63.535	0,01%	43.535	0,01%	Bán
04	Trần Huy Đông	Em trai	26.918	0,01%	26.918	0,01%	

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG/GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG,...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
VIII	Hoàng Hữu Hưng						
01	Hoàng Hữu Hưng		41.200	0,01%	41.200	0,01%	
IX	Đỗ Thị Loan						
01	Đỗ Thị Loan		1.620	0,00%	1.620	0,00%	
X	Vũ Đăng Linh						
01	Vũ Đăng Linh		380.354	0,09%	330.354	0,07%	Bán
XI	Lý Trần Kim Ngân						
01	Lý Trần Kim Ngân		225.576	0,05%	182.576	0,04%	Bán

B. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

	Mức thù lao đã được ĐHCĐ thường niên 2019 thông qua	Mức thù lao thực tế chi trả
Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	2.300.000.000 đồng	2.089.237.500 đồng
Thành viên ban kiểm soát	0	0



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan; và bán lẻ tại các cửa hàng của Nhóm công ty bao gồm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	
Ông Thomas Lanyi	Thành viên	
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên	
Ông Robert Willet	Thành viên	
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên	
Ông Đoàn Văn Hiếu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019
Ông Trần Lê Quân	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Hoàng Hữu Hưng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Loan	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kinh Doanh	Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám đốc từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019
Ông Phạm Văn Trọng	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 4 tháng 4 năm 2019 là Ông Nguyễn Đức Tài và từ ngày 5 tháng 4 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kinh Doanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61110221/21073758-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 2 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1

Lý Hồng Mỹ
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4175-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.011.896.908.246	23.371.994.756.394
110	I. Tiền và các khoản			
111	tương đương tiền	4	3.115.236.816.468	3.749.550.258.212
112	1. Tiền		2.024.347.938.868	3.363.717.276.954
	2. Các khoản tương đương tiền		1.090.888.877.600	385.832.981.258
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.137.000.000.000	50.922.451.739
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	3.137.000.000.000	50.922.451.739
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn			
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		1.815.085.561.979	1.542.529.736.073
132	2. Trả trước cho người bán	6	262.268.362.817	369.573.657.457
136	ngắn hạn	7	195.016.846.986	21.007.291.749
	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.357.800.352.176	1.151.948.786.867
140	IV. Hàng tồn kho			
141	1. Hàng tồn kho	9	25.745.428.436.580	17.446.005.298.981
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		26.195.934.673.884 (450.506.237.304)	17.821.137.643.753 (375.132.344.772)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.199.146.093.219	582.987.011.389
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	487.030.591.956	283.034.716.902
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		709.225.135.972	298.109.345.560
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.890.365.291	1.842.948.927

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.696.198.636.637	4.750.536.730.462
210	I. Phải thu dài hạn		374.563.598.474	313.775.645.332
216	1. Phải thu dài hạn khác	11	374.563.598.474	313.775.645.332
220	II. Tài sản cố định		5.403.776.988.921	3.333.147.659.602
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	5.375.279.172.974	3.304.923.529.470
222	Nguyên giá		9.148.455.989.525	5.788.326.331.676
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.773.176.816.551)	(2.483.402.802.206)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	28.497.815.947	28.224.130.132
228	Nguyên giá		34.852.200.200	33.838.423.144
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.354.384.253)	(5.614.293.012)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		87.430.438.310	256.831.997.207
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	87.430.438.310	256.831.997.207
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		56.464.479.744	59.937.763.115
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15	56.464.479.744	59.937.763.115
260	V. Tài sản dài hạn khác		773.963.131.188	786.843.665.206
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	104.029.473.910	84.768.088.475
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27.3	178.798.680.331	149.548.727.665
269	3. Lợi thế thương mại	17	491.134.976.947	552.526.849.066
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		41.708.095.544.883	28.122.531.486.856

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		29.564.503.350.530	19.139.496.155.514
310	I. Nợ ngắn hạn		28.442.366.683.873	17.929.433.003.626
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	12.055.385.483.995	8.244.614.243.810
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		81.194.129.529	38.061.594.053
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	374.623.269.110	217.699.643.883
314	4. Phải trả người lao động		258.242.266.298	149.774.991.802
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.851.966.958.655	2.173.064.879.414
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		333.585.179	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	717.884.730.756	1.208.214.263.090
320	8. Vay ngắn hạn	22	13.031.015.620.192	5.836.454.637.089
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		71.690.522.406	56.568.632.732
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.117.753	4.980.117.753
330	II. Nợ dài hạn		1.122.136.666.657	1.210.063.151.888
338	1. Vay dài hạn	22	1.122.136.666.657	1.208.167.140.389
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	-	1.896.011.499
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.143.592.194.353	8.983.035.331.342
410	I. Vốn chủ sở hữu		12.143.592.194.353	8.983.035.331.342
411	1. Vốn cổ phần	23.1	4.435.461.780.000	4.434.961.780.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.435.461.780.000	4.434.961.780.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	555.206.995.486	551.451.995.486
414	3. Vốn khác	23.1	1.130.494.084	1.130.494.084
415	4. Cổ phiếu quỹ	23.1	(5.658.924.500)	(808.864.500)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.1	(28.377.933)	446.572.898
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	7.149.694.161.602	3.989.603.910.055
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		3.315.424.614.555	1.138.290.716.709
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.834.269.547.047	2.851.313.193.346
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		86.065.614	6.249.443.319
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		41.708.095.544.883	28.122.531.486.856

Lý Trần Kim Ngân

Người lập

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Vũ Đăng Linh

Giám đốc Tài chính



Trần Kinh Doanh

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	103.485.046.672.447	87.738.378.978.636
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(1.310.802.695.724)	(1.222.091.976.137)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	102.174.243.976.723	86.516.287.002.499
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(82.686.444.673.012)	(71.224.159.239.435)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.487.799.303.711	15.292.127.763.064
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	631.177.854.351	342.083.875.229
22	7. Chi phí tài chính	25	(569.754.844.844)	(436.573.150.236)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(568.136.717.134)	(436.416.577.674)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	15	(3.473.283.371)	(2.100.986.885)
25	9. Chi phí bán hàng	26	(12.437.282.718.212)	(9.659.741.188.756)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(2.073.782.880.058)	(1.761.613.900.080)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.034.683.431.577	3.774.182.412.336
31	12. Thu nhập khác		41.557.041.541	33.233.337.382
32	13. Chi phí khác		(22.793.268.422)	(21.097.180.800)
40	14. Lợi nhuận khác		18.763.773.119	12.136.156.582
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.053.447.204.696	3.786.318.568.918
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(1.248.353.081.834)	(933.836.738.446)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	31.145.964.165	27.827.229.661
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.836.240.087.027	2.880.309.060.133
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.834.269.547.047	2.878.724.130.907
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.970.539.980	1.584.929.226
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	8.665	6.689
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	8.665	6.689

Lý Trần Kim Ngân

Người lập

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Vũ Đăng Linh

Giám đốc Tài chính



Trần Kinh Doanh

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

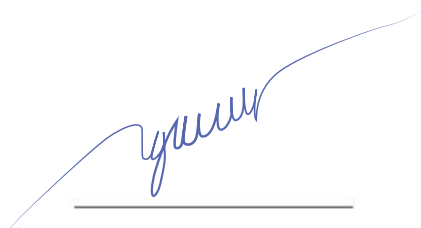
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		5.053.447.204.696	3.786.318.568.918
02	Điều chỉnh cho các khoản:			
	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13		
		17	1.442.826.938.954	1.222.868.683.717
03	Các khoản dự phòng	90.495.782.206 126.083.626.828		
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(27.160.364)	(107.059.306)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(341.194.613.832)	(84.857.279.584)
06	Chi phí lãi vay	25	568.136.717.134	436.416.577.674
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.813.684.868.794	5.486.723.118.247
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(675.979.882.201)	1.246.646.823.981
10	Tăng hàng tồn kho		(8.374.797.030.131)	(4.672.944.194.460)
11	Tăng các khoản phải trả		2.823.942.311.184	1.331.042.865.781
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(227.805.034.461)	126.753.313.780
14	Tiền lãi vay đã trả		(537.997.464.046)	(427.564.376.510)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.092.128.547.184)	(829.523.019.750)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.000.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(1.286.080.778.045)	2.261.134.531.069
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.066.921.164.140)	(1.495.931.919.038)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.290.807.344	1.339.965.525
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(8.997.469.863.015)	(85.922.451.739)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		5.911.392.314.754	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		-	(828.166.470.141)
27	Thu lãi tiền gửi		278.946.264.804	64.286.835.061
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.872.761.640.253)	(2.344.394.040.332)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp của cổ đông không kiểm soát		90.454.820.000	705.355.067.200
32	Mua lại cổ phiếu		(4.850.060.000)	(729.700.000)
33	Tiền thu từ đi vay		45.905.952.301.242	31.893.805.156.672
34	Tiền trả nợ gốc vay		(38.801.961.791.867)	(31.690.848.740.269)
36	Cổ tức đã trả		(665.093.453.185)	(485.862.426.827)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.524.501.816.190	421.719.356.776
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(634.340.602.108)	338.459.847.513
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.749.550.258.212	3.410.983.351.393
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		27.160.364	107.059.306
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.115.236.816.468	3.749.550.258.212



Lý Trần Kim Ngân
Người lập
Ngày 2 tháng 3 năm 2020



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan; và bán lẻ tại các cửa hàng của Nhóm công ty bao gồm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 57.608 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 40.756).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 6 công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại thực phẩm	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh Việt Nam	Thành phố Hà Nội,	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	100,00
MWG (Cambodia) Co., Ltd.	Phnom Penh, Campuchia	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	99,95
Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	99,95	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động và

máy tính xách tay

Thiết bị kỹ thuật số điện tử

Phụ kiện

Thiết bị gia dụng

Thực phẩm, đồ uống

Khác

- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.5 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.6 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không tính khấu hao.

3.9 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Tiền mặt	690.431.092.521	1.475.214.891.085
Tiền gửi ngân hàng	1.274.493.571.437	1.787.504.805.657
Tiền đang chuyển	59.423.274.910	100.997.580.212
Các khoản tương đương tiền (*)	1.090.888.877.600	385.832.981.258
TỔNG CỘNG	3.115.236.816.468	3.749.550.258.212

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng và trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 7,3%/năm đến 8,4%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phải thu bên khác	260.783.205.179	369.573.657.457
- Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	125.939.442.577	142.746.694.060
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	23.185.634.606	121.475.120.993
- Khác	111.658.127.996	105.351.842.404
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.485.157.638	-
TỔNG CỘNG	262.268.362.817	369.573.657.457

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Trả trước bên khác	195.016.846.986	19.882.739.814
- Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Nhất Thiên	54.942.025.774	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Công Nghệ Số	26.711.078.199	-
- Công ty TNHH MTV HGTV	24.137.253.846	-
- Khác	89.226.489.167	19.882.739.814
Trả trước bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	1.124.551.935
TỔNG CỘNG	195.016.846.986	21.007.291.749

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Phải thu nhà cung cấp (i)	1.241.677.377.485	1.090.399.532.158
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	209.669.080.322	99.270.165.996
- Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	162.039.890.707	89.527.581.160
- Công ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	157.552.930.802	229.314.874.870
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	127.603.956.038	46.718.393.423
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	122.646.595.872	210.678.174.261
- Khác	462.164.923.744	414.890.342.448
Phải thu lãi tiền gửi	85.203.204.107	733.824.658
Ứng trước cho nhân viên	12.571.421.526	-
Phải thu từ nhân viên	4.280.229.843	13.260.843.199
Khác	14.068.119.215	47.554.586.852
TỔNG CỘNG	1.357.800.352.176	1.151.948.786.867
Trong đó:		
Phải thu bên khác	1.357.503.412.461	1.151.948.786.867
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)	296.939.715	-
(i) Phải thu nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.		

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị điện tử	11.231.685.060.829	8.093.520.536.583
Điện thoại di động	7.227.058.678.320	5.575.201.490.528
Thiết bị gia dụng	2.918.296.843.508	1.854.149.173.341
Thực phẩm	1.639.223.336.342	619.216.942.867
Phụ kiện	1.349.126.486.481	851.177.889.554
Máy tính xách tay	786.555.617.315	331.470.400.564
Đồng hồ, mắt kính	573.950.618.899	-
Máy tính bảng	181.539.686.893	230.987.789.548
Vật tư, lắp đặt	146.113.590.466	33.065.224.542
Thẻ cào	19.100.171.315	140.104.491.868
Hàng đang chuyển	5.813.877.959	9.011.116.270
Hàng hóa khác	117.470.705.557	83.232.588.088
TỔNG CỘNG	26.195.934.673.884	17.821.137.643.753
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(450.506.237.304)	(375.132.344.772)
GIÁ TRỊ THUẦN	25.745.428.436.580	17.446.005.298.981

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(375.132.344.772)	(259.792.810.947)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(450.506.237.304)	(375.132.344.772)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	375.132.344.772	259.792.810.947
Số cuối năm	<u>(450.506.237.304)</u>	<u>(375.132.344.772)</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí thuê và thành lập văn phòng, cửa hàng và trung tâm phân phối.

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng và trung tâm phân phối.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	4.773.087.444.577	157.628.559.882	857.610.327.217	5.788.326.331.676
Mua mới	2.390.282.774.167	121.369.302.726	443.008.321.978	2.954.660.398.871
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	474.279.491.387	709.090.909	25.076.855.831	500.065.438.127
Thanh lý	(83.181.202.377)	(641.278.183)	(10.773.698.589)	(94.596.179.149)
Số cuối năm	7.554.468.507.754	279.065.675.334	1.314.921.806.437	9.148.455.989.525
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	426.477.239.047	8.004.588.334	213.100.949.347	647.582.776.728
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(1.985.749.442.377)	(63.013.821.499)	(434.639.538.330)	(2.483.402.802.206)
Khấu hao trong năm	(1.130.409.978.959)	(31.203.728.858)	(219.081.267.777)	(1.380.694.975.594)
Thanh lý	81.426.388.607	641.278.183	8.853.294.459	90.920.961.249
Số cuối năm	(3.034.733.032.729)	(93.576.272.174)	(644.867.511.648)	(3.773.176.816.551)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.787.338.002.200	94.614.738.383	422.970.788.887	3.304.923.529.470
Số cuối năm	4.519.735.475.025	185.489.403.160	670.054.294.789	5.375.279.172.974

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.998.878.500	7.839.544.644	33.838.423.144
Mua mới	-	1.013.777.056	1.013.777.056
Số cuối năm	25.998.878.500	8.853.321.700	34.852.200.200
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(5.614.293.012)	(5.614.293.012)
Hao mòn trong năm	-	(740.091.241)	(740.091.241)
Số cuối năm	-	(6.354.384.253)	(6.354.384.253)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.998.878.500	2.225.251.632	28.224.130.132
Số cuối năm	25.998.878.500	2.498.937.447	28.497.815.947

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>VND</i>
Chi phí xây dựng cửa hàng, trung tâm phân phối	83.674.549.223	9.692.607.213
Chi phí xây dựng văn phòng	-	247.139.389.994
Khác	3.755.889.087	-
TỔNG CỘNG	87.430.438.310	256.831.997.207

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**VND***Công ty Cổ phần
Bán lẻ An Khang***Giá trị đầu tư**

Số đầu năm và số cuối năm

62.038.750.000**Phần lũy kế lỗ từ công ty liên kết**

Số đầu năm

(2.100.986.885)

Phần lỗ từ công ty liên kết

(3.473.283.371)

Số cuối năm

(5.574.270.256)**Giá trị còn lại**

Số đầu năm

59.937.763.115

Số cuối năm

56.464.479.744

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang (“An Khang”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314587300 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. An Khang có trụ sở đăng ký tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của An Khang là bán lẻ dược phẩm.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê cửa hàng	48.175.101.674	25.941.124.248
Chi phí thiết kế cửa hàng	12.681.905.344	47.023.024.097
Khác	43.172.466.892	11.803.940.130
TỔNG CỘNG	104.029.473.910	84.768.088.475

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá

Số đầu năm và số cuối năm

613.918.721.185

Giá trị phân bổ lũy kế

Số đầu năm

(61.391.872.119)

Phân bổ trong năm

(61.391.872.119)

Số cuối năm

(122.783.744.238)

Giá trị còn lại

Số đầu năm

552.526.849.066

Số cuối năm

491.134.976.947

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	1.223.262.408.476	1.238.909.187.337
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam		
Thái Nguyên	1.281.985.861.314	1.028.501.685.728
Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam		
Hải Phòng	839.166.842.803	466.286.802.652
Khác	8.710.970.371.402	5.510.916.568.093
TỔNG CỘNG	<u>12.055.385.483.995</u>	<u>8.244.614.243.810</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	191.092.523.932	1.248.353.081.834	(1.092.078.712.882)	347.366.892.884
Thuế giá trị gia tăng	21.588.461.648	13.572.052.575.357	(13.589.681.743.280)	3.959.293.725
Thuế thu nhập cá nhân	1.866.631.646	527.977.422.424	(507.550.503.183)	22.293.550.887
Khác	3.152.026.657	19.655.296.472	(21.803.791.515)	1.003.531.614
TỔNG CỘNG	<u>217.699.643.883</u>	<u>15.368.038.376.087</u>	<u>(15.211.114.750.860)</u>	<u>374.623.269.110</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng nhân viên	1.381.629.784.303	1.802.106.384.970
Các khoản phải trả nhân viên	115.429.735.544	67.622.692.702
Chi phí hỗ trợ lãi suất	84.002.927.200	151.545.159.391
Chi phí tiếp thị quảng cáo	75.405.852.278	14.649.245.341
Chi phí vận chuyển	56.517.465.115	29.483.125.592
Chi phí tiện ích	49.473.623.652	39.280.477.170
Lãi vay	48.333.997.724	27.282.518.604
Chi phí sửa chữa bảo hành	18.812.667.951	21.232.132.110
Khác	22.360.904.888	19.863.143.534
TỔNG CỘNG	<u>1.851.966.958.655</u>	<u>2.173.064.879.414</u>

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ cước phí	439.435.994.167	1.042.059.390.385
Nhận trước tiền phát hành cổ phiếu (*) (Thuyết minh số 31)	85.719.580.000	-
Nhận ký quỹ	56.386.635.126	33.499.443.205
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	33.962.017.460	25.017.709.725
Thu hộ tiền trả góp	32.522.239.000	36.449.047.741
Phiếu mua hàng	28.214.097.975	24.736.136.521
Khác	41.644.167.028	46.452.535.513
TỔNG CỘNG	717.884.730.756	1.208.214.263.090
Trong đó:		
<i>Phải trả bên khác</i>	714.304.603.481	1.208.214.263.090
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	3.580.127.275	-

(*) Số dư thể hiện khoản tiền nhận trước từ việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu áp dụng cho các cán bộ chủ chốt của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 3 năm 2019 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 11 năm 2019

22. VAY

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Phân loại lại	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn	5.836.454.637.089	45.690.847.426.072	(38.632.142.153.633)	135.855.710.664	13.031.015.620.192
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 22.1)	5.700.598.926.425	45.690.847.426.072	(38.360.430.732.305)	-	13.031.015.620.192
Vay dài hạn đến hạn trả	135.855.710.664	-	(271.711.421.328)	135.855.710.664	-
Vay dài hạn	1.208.167.140.389	219.644.875.166	(169.819.638.234)	(135.855.710.664)	1.122.136.666.657
Trái phiếu thường trong nước					
(Thuyết minh số 22.2)	1.117.596.666.661	4.539.999.996	-	-	1.122.136.666.657
Vay ngân hàng	90.570.473.728	215.104.875.170	(169.819.638.234)	(135.855.710.664)	-
TỔNG CỘNG	7.044.621.777.478	45.910.492.301.238	(38.801.961.791.867)	-	14.153.152.286.849

22.1 Vay ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Tân Bình	1.698.092.992.315	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2020 đến ngày 7 tháng 2 năm 2020
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Chi nhánh Hà Nội	1.149.432.322.830	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Singapore)	1.093.997.895.405	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2020 đến ngày 26 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	861.380.132.463	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2020 đến ngày 2 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	857.845.562.309	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Singapore)	765.186.785.000	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2020 đến ngày 28 tháng 2 năm 2020
Ngân hàng TNHH Mizuho Bank Ltd. – Chi nhánh Hà Nội	705.000.000.000	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2020 đến ngày 21 tháng 2 năm 2020
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Chi nhánh Hồ Chí Minh	694.447.126.718	Từ ngày 6 tháng 2 năm 2020 đến ngày 27 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	683.748.856.303	Từ ngày 19 tháng 2 năm 2020 đến ngày 23 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	667.089.434.914	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2020 đến ngày 2 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng Citibank N.A – Chi nhánh Hà Nội	625.282.413.785	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2020 đến ngày 19 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng TNHH Mizuho Bank Ltd. – Chi nhánh Hồ Chí Minh	563.772.884.692	Từ ngày 11 tháng 2 năm 2020 đến ngày 5 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	492.429.885.796	Từ ngày 30 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 1 năm 2020
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Singapore	464.000.000.000	Ngày 17 tháng 7 năm 2020
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hồ Chí Minh	401.036.520.101	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2020 đến ngày 19 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	265.780.020.195	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2020 đến ngày 18 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng DBS – Chi nhánh Hồ Chí Minh	249.965.886.222	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)	229.186.177.429	Từ ngày 18 tháng 2 năm 2020 đến ngày 28 tháng 2 năm 2020
Ngân hàng Malayan Berhad – Chi nhánh Labuan	145.071.488.394	Ngày 22 tháng 1 năm 2020

22.1 Vay ngân hàng (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau: (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>
	<i>VND</i>	
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Singapore	464.000.000.000	Ngày 17 tháng 7 năm 2020
Ngân hàng BNP Paribas – Chi Nhánh Hồ Chí Minh	401.036.520.101	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2020 đến ngày 19 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng BNP Paribas – Chi Nhánh Hà Nội	265.780.020.195	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2020 đến ngày 18 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng DBS – Chi nhánh Hồ Chí Minh	249.965.886.222	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 3 năm 2020
Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)	229.186.177.429	Từ ngày 18 tháng 2 năm 2020 đến ngày 28 tháng 2 năm 2020
Ngân hàng Malayan Berhad – Chi nhánh Labuan	145.071.488.394	Ngày 22 tháng 1 năm 2020

22.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết các khoản trái phiếu thường trong nước như sau:

<i>Trái chủ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
	<i>VND</i>	<i>%/năm</i>	
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000	6,55	Ngày 17 tháng 11 năm 2022
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	450.000.000.000		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000		
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	30.000.000.000		
Chi phí phát hành trái phiếu	(12.863.333.343)		
TỔNG CỘNG	1.122.136.666.657		

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á với phí bảo lãnh là 1,5%/năm nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác
	Tổng cộng					
Năm trước:						
Số đầu năm	3.169.884.370.000	36.717.698.286	(79.164.500)	(86.063.365)	2.698.572.748.459	1.130.494.084
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.878.724.130.907	-
Phát hành cổ phiếu	189.105.950.000	514.734.297.200	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(729.700.000)	-	-	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Nhóm Công ty với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(27.410.937.561)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(484.310.571.750)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	1.075.971.460.000	-	-	-	(1.075.971.460.000)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	532.636.263	-	-
Số cuối năm	4.434.961.780.000	551.451.995.486	(808.864.500)	446.572.898	3.989.603.910.055	1.130.494.084
Năm nay:						
Số đầu năm	4.434.961.780.000	551.451.995.486	(808.864.500)	446.572.898	3.989.603.910.055	1.130.494.084
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.834.269.547.047	-
Phát hành cổ phiếu (*)	500.000.000	3.755.000.000	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(4.850.060.000)	-	-	-
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	(664.179.295.500)	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(10.000.000.000)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(474.950.831)	-	-
Số cuối năm	4.435.461.780.000	555.206.995.486	(5.658.924.500)	(28.377.933)	7.149.694.161.602	1.130.494.084

23.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

- (*) Vào ngày 17 tháng 9 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 50.000 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 3 năm 2019 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 23 tháng 8 năm 2019. Vào ngày 24 tháng 10 năm 2019, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương, phê duyệt việc tăng vốn cổ phần từ 4.434.961.780.000 VND lên 4.435.461.780.000 VND
- (**) Trong năm, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức với số tiền là 664.179.25.500 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 3 năm 2019.

23.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu*

	Số cổ phiếu
Số đầu năm	443.496.178
Tăng vốn	50.000
Số cuối năm	443.546.178

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	443.546.178	443.496.178
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	443.546.178	443.496.178
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(856.236)	(369.285)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	442.689.942	443.126.893

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	103.485.046.672.447	87.738.378.978.636
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	102.690.897.379.315	87.029.254.963.723
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	794.149.293.132	709.124.014.913
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.310.802.695.724)	(1.222.091.976.137)
Hàng bán bị trả lại	(1.310.802.695.724)	(1.222.091.976.137)
Doanh thu thuần	<u>102.174.243.976.723</u>	<u>86.516.287.002.499</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán hàng	101.380.094.683.591	85.807.162.987.586
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	794.149.293.132	709.124.014.913

24.2 Doanh thu tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	343.579.024.388	84.857.279.584
Chiết khấu thanh toán	287.234.164.431	255.850.966.106
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	364.665.532	1.375.629.539
TỔNG CỘNG	631.177.854.351	342.083.875.229

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	568.136.717.134	436.416.577.674
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	35.984.155	1.514.702
Khác	1.582.143.555	155.057.860
TỔNG CỘNG	569.754.844.844	436.573.150.236

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	82.686.444.673.012	71.224.159.239.435
Chi phí nhân công	7.929.092.857.295	6.289.900.986.436
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13 và 17)	1.442.826.938.954	1.222.868.683.717
Khác	5.139.145.802.021	3.908.585.418.683
TỔNG CỘNG	97.197.510.271.282	82.645.514.328.271

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty và các công ty con như sau:

- ▶ Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế;
- ▶ Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động (“CNTT TGDD”), công ty con của Công ty, là 10% thu nhập chịu thuế trong mười lăm (15) năm áp dụng đối với thu nhập của dự án đầu tư mới tại Khu Công nghệ cao và áp dụng mức thuế suất phổ thông cho những năm tiếp theo. CNTT TGDD được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm có thu nhập chịu thuế trên và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo. Đối với hoạt động khác, thuế suất TNDN bằng 20% thu nhập chịu thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.248.226.781.874	921.349.811.577
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	126.299.960	12.486.926.869
	1.248.353.081.834	933.836.738.446
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(31.145.964.165)	(27.827.229.661)
TỔNG CỘNG	1.217.207.117.669	906.009.508.785

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.053.447.204.696	3.786.318.568.918
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.010.689.440.939	757.263.713.784
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗi từ các công ty con chưa ghi nhận thuế hoãn lại	207.512.389.408	114.559.216.155
Phân bổ lợi thế thương mại	12.278.374.424	12.278.374.424
Chi phí không được trừ	4.838.942.989	9.001.080.176
Lỗi từ công ty liên kết	694.656.674	420.197.377
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	126.299.960	12.486.926.869
Lỗi chuyển sang từ năm trước	(2.042.981.573)	-
Thuế TNDN được miễn giảm	(16.890.005.152)	-
Chi phí thuế TNDN	1.217.207.117.669	906.009.508.785

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

				VND	
		Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại					
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	90.101.247.456	75.026.468.954	15.074.778.502	23.067.906.765	
Chi phí phải trả	74.364.760.471	63.210.600.900	11.154.159.571	3.477.600.900	
Dự phòng chi phí bảo hành	14.338.104.477	11.313.726.546	3.024.377.931	2.148.818.600	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(5.432.073)	(2.068.735)	(3.363.338)	(16.072.208)	
TỔNG CỘNG	178.798.680.331	149.548.727.665			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả					
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	-	(1.896.011.499)	1.896.011.499	(851.024.396)	
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			31.145.964.165	27.827.229.661	

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	3.834.269.547.047	2.878.724.130.907
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>442.482.496</u>	<u>430.372.609</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	8.665	6.689

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Thành Phát	Đồng quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa	17.562.316.948	1.250.492.196.813
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	3.669.558.297	-
		Cung cấp dịch vụ	347.892.772	-
		Mua hàng hóa	250.613.890	-
Ông Robert Willet	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	2.146.976.781	2.188.855.166

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>					
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	<u>1.485.157.638</u>	<u>-</u>	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>					
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Thành Phát	Đồng quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa	<u>-</u>	<u>1.124.551.935</u>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>					
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Chi trả hộ	<u>296.939.715</u>	<u>-</u>	
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>					
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Chi trả hộ	<u>3.580.127.275</u>	<u>-</u>	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>13.127.973.800</u>	<u>10.366.492.400</u>

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.314.846.596.565	1.824.274.093.337
Từ 1 đến 5 năm	7.920.194.732.060	5.999.533.912.690
Trên 5 năm	<u>3.705.993.575.108</u>	<u>2.653.513.133.360</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.941.034.903.733</u>	<u>10.477.321.139.387</u>

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

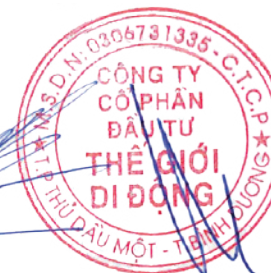
Phát hành mới cổ phiếu phổ thông theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu

- Vào ngày 6 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.520.045 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu từ việc sử dụng 856.236 cổ phiếu quỹ và phát hành 9.663.809 cổ phiếu mới. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 4.435.461.780.000 VND lên 4.532.099.870.000 VND. Vào ngày 12 tháng 2 năm 2020, Công ty đã nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.
- Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Ly Trần Kim Ngân
Người lập


Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính


Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc



Ngày 2 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG

ĐT: 028 3812 5960

Email: investor@thegioididong.com

www.mwg.vn